

HỘ CHĂN NUÔI CÁ THỂ NGUYỄN VĂN HIỆP

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT
NGUYỄN VĂN HIỆP**

Sóc Trăng, tháng 04 năm 2024

HỘ CHĂN NUÔI CÁ THỂ NGUYỄN VĂN HIỆP

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT
NGUYỄN VĂN HIỆP

CHỦ CƠ SỞ


Nguyễn Văn Hiệp

Sóc Trăng, tháng 04 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH SÁCH BẢNG	iii
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	6
4.1. Nguyên – vật liệu, hoá chất đầu vào	7
4.2. Nhu cầu về nhiên liệu.....	7
4.3. Nhu cầu cung cấp điện, nước.....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	9
5.1. Quá trình xây dựng trang trại	9
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở	10
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị	16
5.4. Tổ chức quản lý của cơ sở	17
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẲNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	18
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	18
2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường.....	18

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... 20

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải	21
1.3. Xử lý nước thải.....	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	26
3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường.....	27
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:	27
3.2. Chất thải rắn chăn nuôi:	28
4. Công trình, biện pháp lưu giữ , xử lý chất thải nguy hại	29
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn , độ rung	31
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố:.....	32
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải:.....	32
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải:	32
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh:.....	33
6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:	35
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):	35
8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:.....	36

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 37

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	37
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	39
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	39
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải:	39

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	41
1. Kết quả quan trắc đối với nước thải.....	42
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	43
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	43
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	43
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	43
2. Chương trình quan trắc môi trường	45
2.1. Quan trắc nước thải.....	45
2.2. Quan trắc nước mặt.....	45
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	45
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA , THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	47
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	48
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.....	48
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.....	48
PHỤ LỤC BÁO CÁO	50

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở	1
Bảng 1.2. Nguyên – vật liệu, hoá chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở	6
Bảng 1.3. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	10
Bảng 1.4. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở	16
Bảng 3.1. Kích thước, kết cấu các hạng mục công trình xử lý nước thải...	26
Bảng 3.2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	30
Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	36
Bảng 4.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	37
Bảng 4.3. Giới hạn tiếng ồn, độ rung.....	38
Bảng 4.4. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở	39
Bảng 4.5. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	40
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải.....	41
Bảng 5.2. Chất lượng không khí tại cơ sở	444
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm	43
Bảng 6.2. Dự kiến thời gian lấy mẫu	43
Bảng 6.3. Kế hoạch lấy và phân tích mẫu nước thải	44
Bảng 6.4. Tổng kinh phí giám sát môi trường.....	46

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí tọa độ các điểm khống chế và tứ cận của cơ sở	2
Hình 1.2. Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh	2
Hình 1.3. Quy trình nuôi gà của cơ sở	4
Hình 1.4. Sơ đồ xử lý nước ngầm	13
Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....	223
Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn	23
Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi tại cơ sở.....	25

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BGTVT	Bộ Giao thông vận tải
BNN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
BYT	Bộ Y tế
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
NĐ – CP	Nghị định Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
QĐ	Quyết định
QH	Quốc Hội
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TT	Thông tư
TTLT	Thông tư liên tịch
UBND	Ủy ban nhân dân
VLXD	Vật liệu xây dựng
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Hộ chăn nuôi cá thể Nguyễn Văn Hiệp
- Địa chỉ: ấp Công Đôi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hiệp
- Điện thoại: 0918.296.337

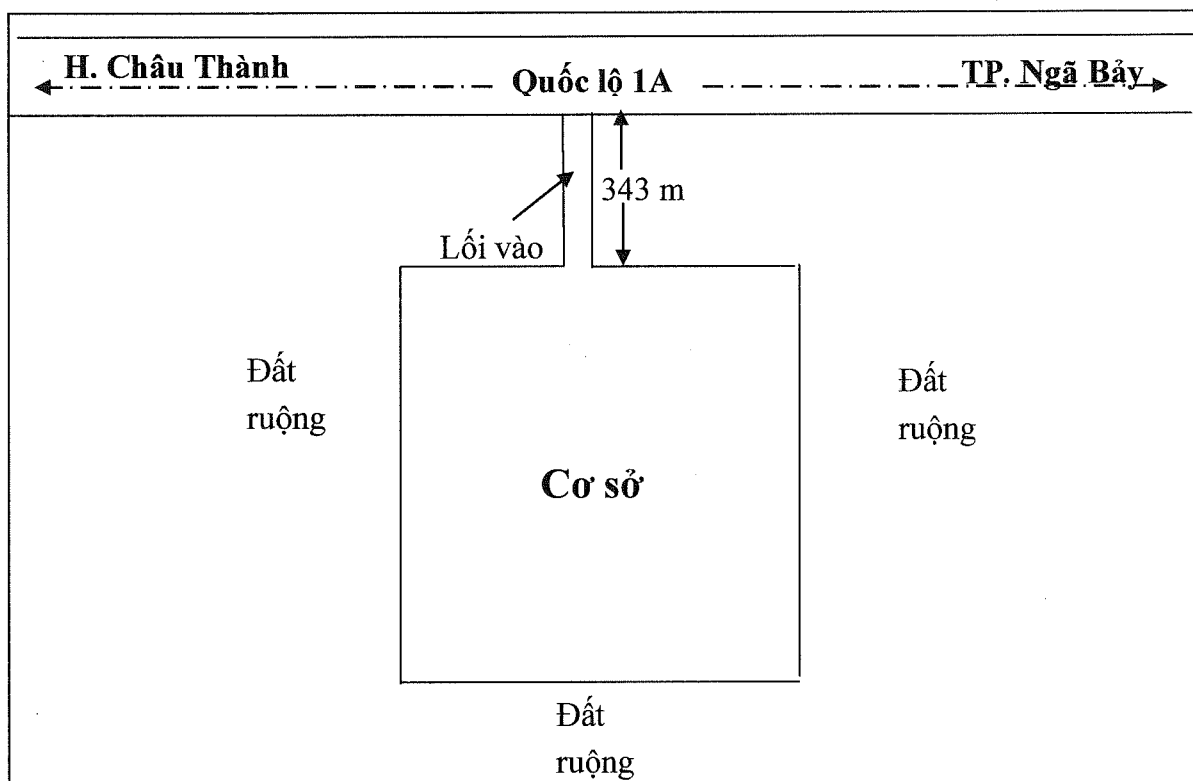
2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Hiệp.
- Địa điểm hoạt động: Cơ sở tọa lạc tại Ấp Công Đôi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, diện tích đất thực hiện cơ sở là 27.985 m².
- Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:
Phía Bắc: Giáp Quốc lộ 1A- cách tìm đường Quốc lộ 1A khoảng 343m;
Phía Nam: Giáp đất ruộng;
Phía Đông : Giáp đất ruộng;
Phía Tây : Giáp đất ruộng.

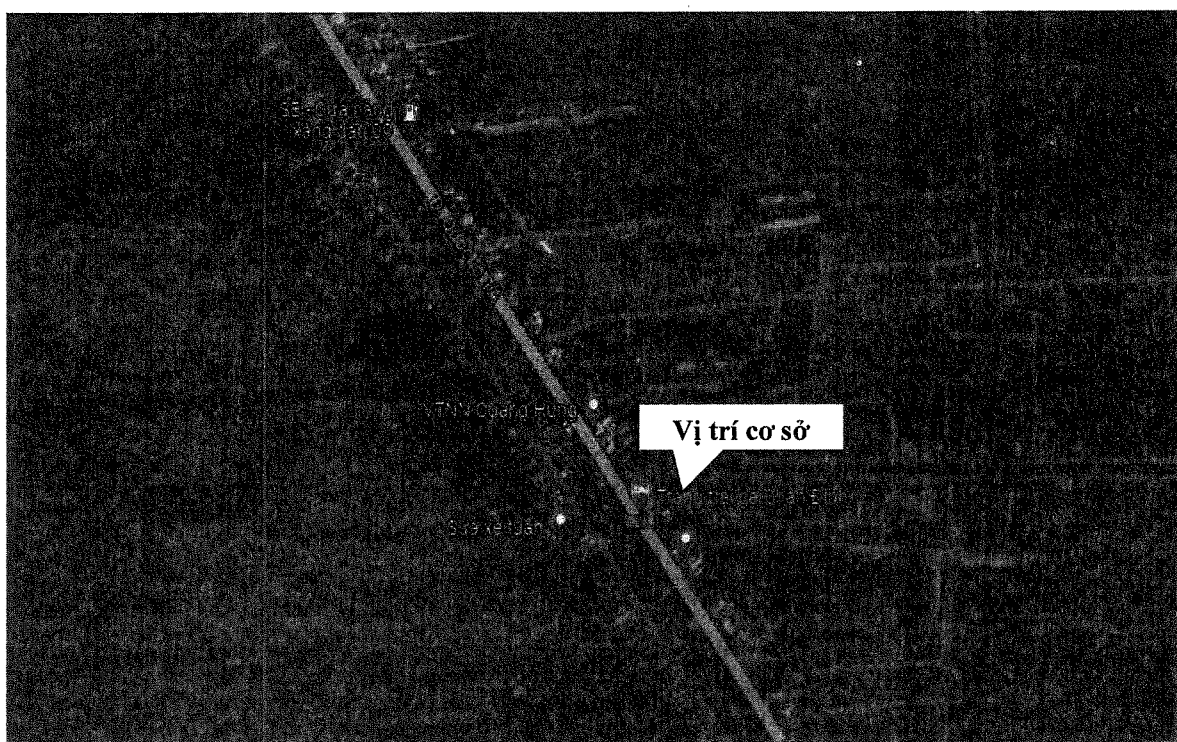
Bảng 1.1 Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở

STT	Vị trí	Tọa độ (hệ tọa độ VN 2000), kinh tuyến trực 105 ⁰ 30', múi chiều 6 ⁰	
		X (m)	Y (m)
1	A	0540571	1077359
2	B	0540524	1077417
3	C	0541151	1077423
4	D	0541125	1077286
5	E	0540773	1077271

6	F	0540756	1077337
---	---	---------	---------



Hình 1.1 Vị trí tọa độ các điểm khống chế và tứ cận của cơ sở



Hình 1.2: Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh

- Vị trí của cơ sở được bao quanh bởi đất trồng lúa và kênh rạch, xa khu dân cư, trường học. Cơ sở nằm cách lộ giới đường Quốc lộ 1A khoảng 340 m theo hướng Đông Bắc. Trong bán kính khoảng 2,0 km là các nhà dân, đồng ruộng, nương rẫy,... không có các công trình nhạy cảm như khu bảo tồn, các công trình văn hoá, tôn giáo và các khu di tích lịch sử.

- Các đối tượng xung quanh có khả năng bị tác động bởi cơ sở: khu vực xung quanh trang trại có mật độ dân cư trung bình, chỉ có một vài hộ dân ở gần khu vực đường vào cơ sở.

- Hiện trạng quản lý và sử dụng đất: Phần đất thực hiện cơ sở thuộc quyền sở hữu của chủ cơ sở (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đính kèm theo phụ lục.*)

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Ao sinh học lưu chứa bên trong cơ sở.

- Quy mô: Trang trại được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 27.985 m² bao gồm diện tích đất xây dựng các trại gà, nhà làm việc, các đài nước, hệ thống các ao mương,...

+ Trang trại nuôi 60.000 con gà gà thịt/đợt nuôi được chia vào 04 dãy trại nuôi, tương đương 15.000/trại, thời gian nuôi 3 tháng/đợt. Mỗi năm trang trại sẽ nuôi 3 đợt gà với tổng số 180.000 con gà thịt.

+ Tổng số vốn đầu tư là: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng).

- Cơ sở có tiêu chí môi trường thuộc Mục I.1 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Trang trại của Ông Nguyễn Văn Hiệp hoạt động với quy mô là 04 dãy trại gà gà thịt, số lượng gà từ 15.000 con/trại thời gian nuôi 3 tháng/đợt, sau mỗi đợt nuôi trại nghỉ từ 15 ngày để vệ sinh chuồng trại, chuẩn bị cho lứa gà mới. Như vậy, mỗi năm chăn nuôi 3 đợt với tổng số 180.000 con gà thịt.

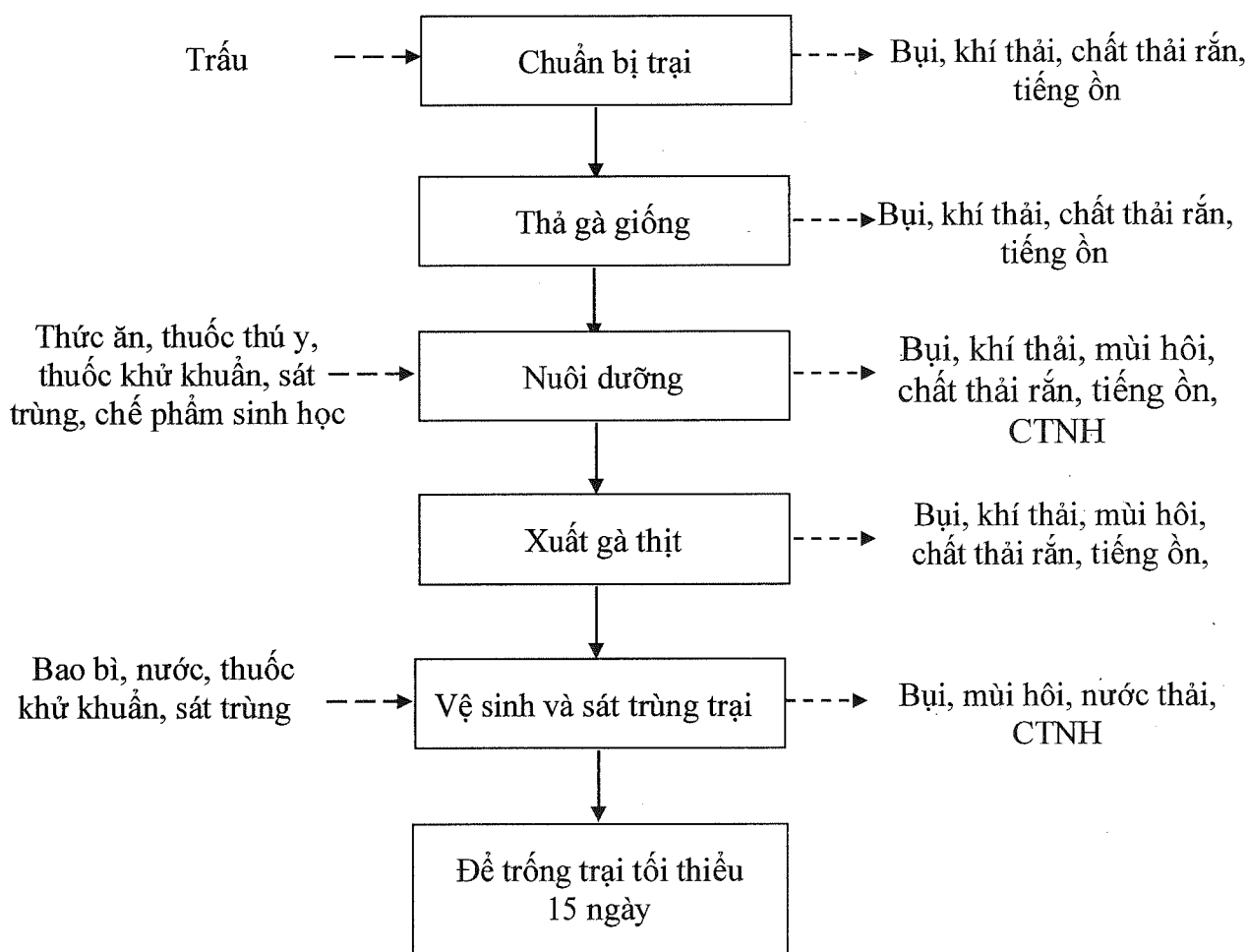
Cơ sở được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 27.985 m². Vị trí xây dựng thuộc tờ bản đồ số 02 gồm các thửa: thửa 643, diện tích 4095 m²; thửa 917, diện tích 7162 m²; thửa 457, diện tích 4161 m²; thửa 644, diện tích 5542

m²; thửa 850, diện tích 4425 m²; thửa 458, diện tích 2600 m². Toạ lạc tại ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Trang trại của Ông Nguyễn Văn Hiệp được xây dựng, cải tạo và hoạt động theo tiêu chuẩn của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P nhằm đạt chất lượng theo yêu cầu của công ty.

Trong thời gian nuôi Cơ sở sẽ nhận được sự hỗ trợ của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P về mặt kỹ thuật thường trực ngay tại mỗi trại, kiểm tra chăm sóc, hướng dẫn quy trình nuôi từ nhân viên kỹ thuật. Việc chăm sóc đàn gà theo quy trình kỹ thuật đảm bảo các điều kiện sao cho không ảnh hưởng đến năng suất cũng như sức khỏe của đàn gà. Quy trình nuôi gà được thực hiện như sau:



Hình 1.3: Quy trình nuôi gà của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Quy trình chăn nuôi gà của qua các công đoạn sau:

- Chuẩn bị trại: sau khi nhận được lịch thả gà của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P, chủ cơ sở sẽ tiến hành chuẩn bị chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi phục vụ cho quá trình tiếp nhận và chăn nuôi gà.

- + Chuồng trại: Cơ sở sẽ thu mua trấu, đệm sinh học để lót nền trại. Chiều dày lớp trấu lót nền trại trung bình khoảng 5- 10 cm. Thời gian chuẩn bị trại khoảng 1 ngày/trại.

- + Máng ăn, uống: Dùng hệ thống máng ăn, uống tự động bố trí dọc theo chuồng nuôi.

- + Tiến hành phun thuốc khử trùng dụng cụ, trang thiết bị trong trại nuôi trước 1- 2 ngày khi nhận gà.

- Thả gà giống: chủ cơ sở nhận con giống do Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P dùng xe chuyên dụng giao đến tận trại. Sau đó, gà giống được thả lần lượt từng trại nuôi.

- Nuôi dưỡng (03 tháng/lứa): Khi thả gà giống, chủ cơ sở sẽ thả gà vào khu vực giới hạn đã bố trí sẵn trong trại để tiện chăm sóc (quá trình chăm sóc bao gồm việc cho ăn, uống, chích ngừa tiến hành theo hướng dẫn của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P).

- + Trong thời gian nuôi gà, chủ cơ sở cung cấp thức ăn vào trại qua các máy cấp thức ăn tự động, cung cấp nước sạch cho gà uống qua núm uống, lượng nước cho gà uống phụ thuộc vào khối lượng gà, tối đa khoảng 150ml/con/ngày đêm.

- + Tỷ lệ tiêu tốn thức ăn vào khoảng 2,3 kg/kg tăng trọng (đối với gà lông màu), trọng lượng gà khi xuất chuồng từ 2,6 kg/con.

- Xuất gà thịt (1-2 ngày/trại/lứa): Thời gian thu gom gà và vận chuyển gà khỏi Cơ sở khoảng 1-2 ngày/trại/lứa. Cơ sở xuất gà lần lượt từng trại, hết trại này đến trại khác. Toàn bộ gà thịt sau khi xuất khỏi trại sẽ được chuyển đến Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P để kiểm tra chất lượng.

- Vệ sinh và sát trùng trại: Sau khi xuất hết gà, chủ cơ sở sẽ thu gom phân và chất độn nền vào bao ni lông bán cho khách hàng; sau đó cơ sở dùng nước vệ sinh nền trại, các dụng cụ chăn nuôi. Lượng trấu và phân gà thu gom vào khoảng

15 tấn/trại. Thời gian cơ sở thu gom phân, chất độn nền, vệ sinh nền trại, vệ sinh các dụng cụ chăn nuôi 2 ngày/trại.

- Phân, chất độn sau khi thu gom sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng.

- Sau đó sẽ tiêu độc khử trùng trại, dụng cụ chăn nuôi bằng vôi và Omnicide, để trống trại tối thiểu 7 ngày (trong trường hợp không có dịch bệnh) hoặc 21 ngày (trong trường hợp có dịch bệnh xảy ra) trước khi nuôi đợt gà kế tiếp. Thường chủ cơ sở để trống trại 15 ngày rồi mới bắt đầu nuôi kế tiếp.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở thực hiện nuôi gà thịt: Trọng lượng bình quân: 2,6 kg/con; số lượng gà nuôi trong 1 năm là 180.000 con/năm (mỗi đợt nuôi là 60.000 con/đợt nuôi và 1 năm nuôi 3 đợt). Do đó khối lượng gà thịt là 60.000 con/đợt nuôi x 2,6 kg/con x 3 đợt = 468.000 kg/năm. Sản phẩm đầu ra của cơ sở là gà thịt đạt trọng lượng xuất chuồng sẽ được Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P thu gom lại toàn bộ.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nguyên – vật liệu, hoá chất đầu vào

* **Nhu cầu về con giống:** Gà thịt giống khoảng 60.000 con/đợt, được nhập từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P và vận chuyển về trang trại bằng xe chuyên dụng.

* **Nhu cầu về thức ăn:** Thức ăn cho gà được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Ước tính trang trại sử dụng khoảng 350 tấn thức ăn/đợt nuôi.

*** Nhu cầu về thuốc:**

- Thuốc thú y, thuốc kháng sinh và các loại thuốc bổ sung dinh dưỡng trong quá trình chăn nuôi được Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P cung cấp. Số lượng ước tính sử dụng trong 01 đợt nuôi của trang trại: khoảng 70% là thuốc nước (chứa trong chai) còn lại là thuốc viên và thuốc bột được bảo quản kín.

Bảng 1.2. Nguyên – vật liệu, hoá chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở

STT	Nguyên - vật liệu, hoá chất	Số lượng
-----	-----------------------------	----------

1	Gà giống nhập về từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P	180.000 con/năm
2	Thức ăn cho gà	1.050 tấn/năm
3	Omnicide dùng để khử trùng, sát khuẩn, diệt ruồi (tỉ lệ pha với nước 1:500)	80 lít/năm
4	Vôi để khử trùng mặt bằng, chuồng trại,...	1 tấn /năm
5	Các loại thuốc thú y phục vụ cho chăn nuôi	Tuỳ theo từng thời điểm Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P sẽ cung cấp các loại thuốc, vắc-xin theo loại và liều lượng khác nhau
6	Trấu, đệm sinh học	60 tấn/năm
7	Hoá chất Chlorine	10 lít/năm

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

4.2. Nhu cầu về nhiên liệu:

- Dầu Diezen, nhớt chạy máy phát điện: Chủ yếu dùng để vận hành máy phát điện dự phòng khi có sự cố cúp điện. Do mạng lưới điện quốc gia ít gặp sự cố nên lượng dầu sử dụng không nhiều. Trong trường hợp xấu nếu mỗi tháng mất điện 4 ngày thì nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu tối đa cho máy phát điện khoảng 21 lít/giờ, lượng nhớt sử dụng khoảng 10 lít/năm.

- Gas để nấu ăn: khoảng 6 kg/tháng.

4.3. Nhu cầu cung cấp điện, nước:

* Nhu cầu về điện:

Nguồn điện cung cấp cho cơ sở là điện 3 pha được lấy từ mạng lưới điện Quốc gia, do Điện lực huyện Châu Thành cung cấp.

Điện dùng cho các hoạt động dân dụng của công nhân được tính trên cơ sở chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt là 750 kWh/năm (tương đương 2,05 kWh/ngày) – Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng. Điện dùng sinh hoạt cho 08 người (D_{SHHD}).

$$D_{SHHD} = 08 \text{ người} * 2,05 \text{ kWh/người/ngày} = 16,4 \text{ kWh/ngày}$$

Nhu cầu điện dùng cho vận hành máy móc, thiết bị sản xuất (D_{MMHD}):

$D_{MMHD} = 500 \text{ kWh/ngày}$ (do thông số kỹ thuật máy móc của nhà sản xuất)

+ Điện chiếu sáng: 120 kWh/ngày

+ Điện dây chuyền hệ thống máy móc: 130 kWh/ngày

+ Điện vận hành hệ thống quạt hút: 250 kWh/ngày

Tổng lượng điện tiêu thụ trong giai đoạn cơ sở đi vào hoạt động (D_{HD}):

$$D_{HD} = D_{MMHD} + D_{SHHD} = 16,4 + 500 = 516,4 \text{ kWh/ngày.}$$

*** Nhu cầu cấp nước:** Nguồn nước sử dụng cho Cơ sở được lấy từ nguồn nước dưới đất thông qua giếng khoan (03 giếng khoan trong khuôn viên cơ sở) với lưu lượng khai thác $8,64 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Trong đó:

- Nước cấp cho sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD thì lượng cấp nước sinh hoạt cho dân cư nông thôn khoảng $80 \text{ lít/người/ngày đêm}$. Cơ sở đi vào hoạt động với tổng số công nhân, người lao động làm việc là 08 người. Do đó, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt (Q_{SH}) là:

$$Q_{SH} = (08 \text{ người} * 80 \text{ lít/người/ngày đêm}) = 0,64 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

- Nước cấp cho các trại gà:

+ *Nước uống cho gà* (Q_{NUCG}): Tùy theo độ tuổi của gà mà lưu lượng nước uống sẽ khác nhau. Lượng nước dùng cho gà uống tối đa hàng ngày tại Cơ sở khoảng $6 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Cụ thể:

Bảng 1.3. Lượng nước cấp cho gà uống tại cơ sở

STT	Độ tuổi (ngày)	Định mức lượng nước uống cho 01 chuồng nuôi (lít/ngày)	Lưu lượng nước cấp cho gà uống tại cơ sở vào mỗi đợt nuôi (lít/ngày)
1	2-5	20	80
2	6-10	100	400
3	11-20	600	2.400
4	21-30	900	3.600

5	31-45	1.200	4.800
6	Từ 46 ngày trở lên	1.500	6.000

+ *Nước cấp cho hệ thống làm mát*: Hệ thống làm mát được lắp đặt ở cuối mỗi trại là 10 cái quạt hút nhằm tạo điều kiện nhiệt độ và độ ẩm thích hợp cho sự tăng trưởng của đàn gà. Lượng nước cấp cho hệ thống làm mát ở mỗi trại là 0,5 m³/ngày. Vậy lượng nước Cơ sở cung cấp cho hệ thống làm mát ở cả 4 trại (Q_{LM}) là 02m³/ngày.

Như vậy, tổng nhu cầu cung cấp nước phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở (Q_{HD}):

$$Q_{HD} = Q_{SHCN} + Q_{NUCG} + Q_{LM} = 0,64 + 6 + 2 = 8,64 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

+ *Nước vệ sinh chuồng trại cuối đợt nuôi*: cơ sở còn sử dụng nước phục vụ cho việc vệ sinh chuồng trại sau quá trình chăn nuôi (khoảng 3 tháng vệ sinh 1 lần). Trang trại chủ yếu sử dụng vòi xịt áp suất để vệ sinh chuồng trại nên nhu cầu sử dụng nước vệ sinh (Q_{VS}) rất ít khoảng 16 m³ cho 4 trại nuôi (khoảng 04 m³ cho mỗi trại, mỗi ngày vệ sinh một trại).

Tổng nhu cầu cung cấp nước phục vụ cho quá trình vệ sinh chuồng trại, kết thúc đợt nuôi như sau: (*kết thúc đợt nuôi không sử dụng nước cho gà uống và nước làm mát*).

$$Q = Q_{VS} + Q_{SH} = 4 + 0,64 = 4,64 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Quá trình xây dựng trang trại:

Năm 2011, chủ cơ sở đầu tư xây dựng khu trại chăn nuôi gà thịt gồm 04 dãy trại thả nuôi 60.000 con gà thịt và đã được UBND Huyện Châu Thành cấp Giấy phép xây dựng số 08/GPXD năm 2011.

Trên cơ sở đó, Chủ cơ sở áp dụng quy trình kỹ thuật nuôi gà thịt của công ty Cổ phần chăn nuôi C.P với quy mô 60.000 con gà thịt trên diện tích 27.985 m² chia làm 04 trại tại ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ điểm d, khoản 14, điều 168 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, chủ cơ sở lập thủ tục và xin phép UBND tỉnh Sóc Trăng xem xét cấp Giấy phép môi trường cho trang trại để trang trại có thể tiếp tục hoạt động chăn nuôi với

quy mô: 60.000 con gà/đợt nuôi. Mỗi đợt nuôi khoảng 03 tháng, mỗi năm 3 đợt tương đương với 180.000 con gà.

5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở:

Tổng diện tích của cơ sở là 27.985 m², gồm các hạng mục như sau:

Bảng 1.3. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Hạng mục chính	-	8.000	-
01	Trại gà	04	7.680	Hiện hữu
03	Kho chứa thức ăn	04	320	Hiện hữu
II	Hạng mục phụ trợ	-	13.420	
1	Khu vực máy phát điện	01	15	Hiện hữu
2	Nhà ăn- Nhà nghỉ công nhân	01	80	Hiện hữu
3	Nhà kho	01	250	Hiện hữu
4	Ao cá	05	8.650	Hiện hữu
5	Đường nội bộ, sân bãi, đất trống, hệ thống cây xanh và các hạng mục khác.	01	4.398	Hiện hữu
6	Hệ thống cấp nước	03	27	Hiện hữu
7	Hệ thống cấp điện	01	-	Hiện hữu
8	Hệ thống tiếp đất và chống sét	01	-	Hiện hữu
9	Hệ thống PCCC	01	-	Hiện hữu
III	Hạng mục bảo vệ môi trường	-	6.565	
1	Kho chất thải nguy hại	01	10	Hiện hữu
2	Nhà vệ sinh	01	15	Hiện hữu
3	Hệ thống thoát nước	01	-	Hiện hữu
4	Hầm ủ Biogas	03	40	Hiện hữu + xây mới
5	Ao sinh học	02	5.450	Hiện hữu
6	Khu vực xử lý gia cầm chết không do dịch bệnh	01	50	Hiện hữu

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
7	Khu vực xử lý gia cầm chết do dịch bệnh	01	1000	Hiện hữu
Tổng cộng			27.985	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

*** Mô tả chi tiết hạng mục công trình của cơ sở:**

Hạng mục công trình chính

- **Trại nuôi gà:** Bao gồm 04 dãy trại nuôi, tổng diện tích 04 dãy trại nuôi là 7.680 m² được xây dựng 03 dãy liên tục nằm song song nhau và nối tiếp phía sau là 01 dãy nằm dọc theo 03 dãy phía trước với loại hình nhà cấp IV.

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; tường dày 10cm; vách xây lên cao 01 m, hệ thống lưới rào B40 bao quanh tạo thành vách và được phủ màn bạt xung quanh trại.

+ Mái trại được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung trại kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

+ Quy cách các trại: các trại có cùng kích thước 16m x 120m = 1.920 m².

- Kho thức ăn:

Tổng diện tích là 320 m² được xây dựng liền kề ở đầu trại.

Kết cấu thiết kế: loại hình nhà cấp IV

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

+ Quy cách: 16m x 20m = 80m².

Hạng mục công trình phụ trợ

- Khu vực máy phát điện

Diện tích 15m² được xây dựng với loại hình nhà cấp IV. Nền tráng bê tông, mái lợp tole, khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

- Khu vực nhà ăn – nhà nghỉ công nhân

Diện tích 80m².

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm; cửa đi, cửa sổ khung sắt lắp kính.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

- Nhà kho

Diện tích 250m² được xây với loại hình nhà cấp IV. Nền tráng bê tông, mái lợp tole, khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế. Dùng để chứa các vật dụng, công cụ phục vụ cho quá trình chăn nuôi, sản xuất. Trường hợp phân trấu không có đơn vị tiêu thụ. Nhà kho sẽ được tận dụng để chứa phân trấu nhằm mục đích không làm ảnh hưởng đến quá trình chăn nuôi.

- Ao cá

Diện tích 8.650 m².

Khuôn viên Cơ sở gồm 05 ao cá được thả nuôi một số loài cá để góp phần tăng cường thêm chất lượng bữa ăn cho công nhân tại Trại gà. Ngoài ra ao cá còn tận dụng để lưu chứa nước mưa chảy tràn khu vực cơ sở.

- Đường nội bộ, sân bãi, đất trống, hệ thống cây xanh

Diện tích 4.398 m².

Đường nội bộ và sân bãi được tráng nền xi măng liên kết ở đầu mỗi trại, kết cấu thiết kế:

+ Bề rộng mặt đường bê tông: 4 m

+ Bó vỉa bê tông thiết kế cho các loại xe hai bánh, xe đẩy di chuyển qua lại dễ dàng.

Hệ thống sân và đường nội bộ của cơ sở được làm bằng xi măng, cát, đá 1x2 vữa chắc do đó hạn chế phần nào bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của cơ sở, góp phần giảm ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

Hàng rào: Mặt trước cơ sở hướng đường Quốc lộ 1A được xây dựng tường cao 4m có cổng, xung quanh cơ sở hàng rào được đổ đà, trụ bê tông sử dụng lưới B40 bao quanh.

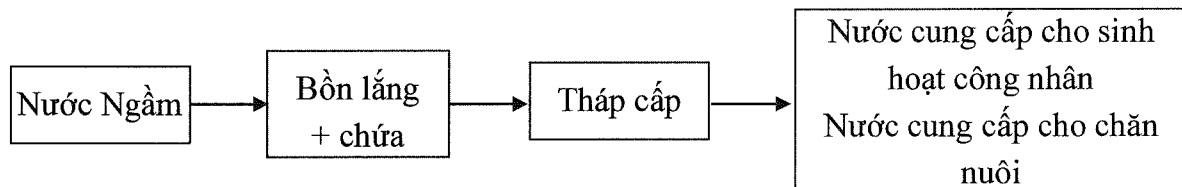
Bố trí cây xanh dọc theo các tuyến đường chính và xung quanh cơ sở nhằm tạo cảnh quan. Ngoài ra, cây xanh được trồng ở khu vực cuối hướng gió tạo nên vùng đệm cây xanh che chắn và hấp thụ bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Hệ thống cấp nước:

Nguồn nước cho sinh hoạt của cơ sở được lấy từ nguồn nước ngầm trong khu vực cơ sở.

Nguồn nước cho hoạt động chăn nuôi được lấy từ giếng khoan của cơ sở.

Cơ sở có tổng 03 giếng khoan ở mỗi dãy trại cung cấp đầy đủ nước cho sinh hoạt và chăn nuôi. Nước ngầm sẽ được đưa qua công đoạn lắng, bơm lên đài nước và phân phối đến mạng lưới sử dụng theo sơ đồ sau:



Hình 1.4. Sơ đồ xử lý nước ngầm

- Hệ thống cấp điện:

Nguồn cung cấp điện cho cơ sở là điện lưới quốc gia đường dây trung áp 22KV. Để đảm bảo các thiết bị không bị hư hỏng trong trường hợp cắt điện vì nguồn điện chính bị lỗi nguồn điện khẩn cấp phục vụ hoạt động được thiết kế tự cung cấp sử dụng máy phát điện dự phòng.

- Hệ thống tiếp đất và bảo vệ chống sét:

Đặc điểm kỹ thuật đặt ra các yêu cầu chi tiết để chống sét cho các công trình phục vụ cho hoạt động của cơ sở là lắp đặt thiết bị chống sét, dây dẫn và thiết bị tiếp đất, đồng thời cũng phục vụ trong điều kiện sử dụng mái bê tông cốt thép, dầm, cột và móng có thép khi tiếp xúc thiết bị chống sét, dây dẫn và thiết bị tiếp đất.

Đặc điểm kỹ thuật của phân tích chi tiết các hệ thống tiếp đất khác nhau bao gồm hệ thống TN-S, TN-C, TN-C-S, TT, TI và đưa ra yêu cầu kỹ thuật an toàn chi tiết để tiếp đất của các hệ thống khác nhau.

Tiếp đất: Các lõi vào mỗi nguồn điện đều được âm dưới đất nhiều lần. Tiếp đất cho sét và tiếp đất bảo vệ sử dụng cùng một hệ thống tiếp đất. Tất cả các thiết bị tiếp đất đều được kết nối với nhau để hình thành mạng tiếp đất.

- Hệ thống PCCC:

Sử dụng các bình bột chữa cháy và nước từ giếng khoan. Hệ thống chữa cháy bằng các bình xách tay (bình bột CaCO_3 , bình khí CO_2). Các hộp nước bình chữa cháy xách tay (bình bột CaCO_3 , bình khí CO_2) đặt ở tại những vị trí cần thiết.

Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Kho chất thải nguy hại:

Diện tích 10 m², kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có gạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại có thùng chứa có nắp đậy, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nhà vệ sinh + hầm tự hoại:

Diện tích 15 m², kết cấu thiết kế:

- + Nền tráng bê tông dán gạch men; vách xây tường 10cm.
- + Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.
- + Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

- Hệ thống thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước mưa: lượng nước mưa chảy tràn trên mái các dãy nhà và trại nuôi được thu gom theo các rãnh thoát nước của cơ sở. Sau đó được dẫn về Ao cá 04, tại Ao cá nước mưa được lưu lại tận dụng nuôi cá.

+ Hệ thống nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt của người lao động từ nhà vệ sinh được đưa về bể tự hoại 03 ngăn kết hợp với chế phẩm sinh học để xử lý.

+ Hệ thống thoát nước thải chăn nuôi: Nước thải vệ sinh chuồng trại cuối mỗi đợt nuôi sẽ được thu gom vào các hố thu gom nước thải ở cuối dãy trại thông qua các rãnh thoát nước được bố trí dọc các dãy trại nuôi. Sau đó nước thải được lưu chứa ở Hầm ủ biogas và chảy vào Ao sinh học để tiếp tục xử lý sinh học. Nước thải sau khi xử lý tại Ao sinh học được khử khuẩn, khử trùng và được lưu chứa tại Ao sinh học của cơ sở, không thải ra môi trường bên ngoài. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B.

- Hệ thống ống thu gom nước thải trong trại:

04 hệ thống ống thu gom nước thải có tổng diện tích $06m^2$ được bố trí tại cuối mỗi dãy chuồng nuôi với mục đích thu gom nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi.

- Hầm ủ Biogas

Đây là hạng mục công trình dùng để xử lý nước thải từ việc vệ sinh chuồng trại. Nước thải phát sinh từ các dãy chuồng nuôi được thu gom và theo đường ống PVC D100 chiều dài từ 10m-30m tùy vị trí của dãy trại chảy vào hầm ủ biogas với thể tích cụ thể: hầm thứ nhất thể tích $40 m^3$ (5m x 4m x 2m) xử lý nước thải cho Trại 01,02; hầm thứ 2 và 3 có cùng thể tích $10m^3$ (2,5m x 2m x 2m) được bố trí phía sau Trại số 03,04 để xử lý nước thải cho từng trại tương ứng. Nước thải sau xử lý từ hầm ủ sẽ tự chảy vào ao sinh học để thực hiện công đoạn xử lý tiếp theo.

- Ao sinh học:

02 Ao có tổng diện tích $5.450m^2$, cụ thể Ao sinh học số 01 có diện tích khoảng $2.550 m^2$ sâu 2m với thể tích $5.100m^3$ được bố trí nằm gần dãy trại 01,02,03; Ao sinh học số 02 có diện tích $1.900 m^2$ sâu 2m với thể tích $3.800 m^3$ nằm phía bên phải dãy trại 04. Trong ao được thả các loại thực vật dùng để xử lý các chất ô nhiễm có trong nước như: lục bình, bèo hoa dâu,...để xử lý nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B.

- Khu vực xử lý gia cầm chết khi không có dịch bệnh

Được bố trí tại khu đất trống cạnh dãy chuồng 01 của cơ sở với diện tích khoảng $50m^2$ (cách dãy chuồng nuôi 30m), xác gia cầm chết sẽ được xử lý tại đây bằng phương pháp chôn lấp tuân thủ theo đúng Phụ lục 06 - Thông tư số

07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Cụ thể:

Kích thước hố: Sâu 1,5 - 2m x rộng 1,5 - 2m x dài 1,5 - 2m.

Chủ cơ sở chọn kích thước hố chôn lấp 01 tấn gà (1000 kg): sâu 2m x rộng 1,5m x dài 2m; lượng gà chết khoảng 1% tổng số đàn (khoảng 600 con/đợt, tương đương tối đa 1,56 tấn/đợt, khoảng 4,68 tấn/năm (tính theo gà đạt 2,6kg/con), do đó cần diện tích 18,72 m², cơ sở bố trí diện tích 50 m² để đảm bảo khoảng cách giữa các hố.

Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuchêông đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi /m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sứt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

- Khu vực xử lý gia cầm chết khi có dịch bệnh xảy ra

Chủ cơ sở bố trí khu vực có diện tích là 1.000 m² để xử lý xác gia cầm chết khi xảy ra dịch bệnh.

5.3. Danh mục máy móc, thiết bị

Các máy móc thiết bị của cơ sở, được nêu trong bảng sau:

Bảng 1.4. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Công suất	Tình trạng thiết bị	Năm SX
1	Hệ thống máng ăn, nước uống	Bộ	08	-	Đã sử dụng	2011
2	Giếng khoan	Giếng	03	-	-	-
3	Quạt hút làm mát	Cái	40	1 HP	Đã sử dụng	2007
4	Máy phát điện	Cái	01	125 KW	Đã sử dụng	2007
5	Máy phát điện	Cái	01	40 KW	Đã sử dụng	2007
6	Hệ thống điện	-	04	-	Đã sử dụng	2010

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Công suất	Tình trạng thiết bị	Năm SX
7	Bồn nhựa chứa nước	Cái	06	1 m ³	Đã sử dụng	2010
8	Máy bơm nước	Cái	03	2 HP	Đã sử dụng	2008
9	Máy phun nước áp lực cao	Cái	02	1,5 HP	Đã sử dụng	2015

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

5.4. Tổ chức quản lý của Cơ sở:

Chủ trang trại trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Hiệp”.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Trang trại ông Nguyễn Văn Hiệp góp phần phát triển nông nghiệp của tỉnh, vào mục tiêu phát triển các lĩnh vực đang được thu hút đầu tư, đóng góp quan trọng trong chiến lược và quy hoạch phát triển ngành, qua đó sẽ góp phần thúc đẩy và tạo ra sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, Cơ sở còn phù hợp với mục tiêu xây dựng ngành chăn nuôi trở thành ngành sản xuất lớn, tập trung, hiện đại, hiệu quả; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động ngành chăn nuôi.

Với mục tiêu này sẽ đáp ứng nhiệm vụ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Một trong những nội dung của quyết định là xác định nhiệm vụ giảm thiểu tác động đến môi trường từ phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải; quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; định hướng về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải rắn, nguy hại để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh.

Về sự phù hợp với kế hoạch sử dụng đất: dự án hoàn toàn phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của huyện Châu Thành.

2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường

Lượng nước thải phát sinh rất ít chủ yếu là cuối mỗi đợt nuôi (03 tháng) mới tiến hành vệ sinh chuồng trại, cơ sở sử dụng máy nén xít nên lượng nước sử dụng rất ít, lưu lượng 4m³/đợt cho 01 trại. Tổng lượng nước phát sinh khoảng 16m³. Do đó cũng không tác động nhiều vào nguồn tiếp nhận là Ao sinh học trong khuôn viên cơ sở.

Theo khoản 1 điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 1 điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải,

sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ thì khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của mỗi đoạn sông, hồ phải được đánh giá đối với từng thông số sau: COD, BOD₅, NO₃⁻, PO₄³⁻. Đối với các thông số khác thì dựa vào quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải, mục đích sử dụng nước, quy mô, tính chất nước thải, yêu cầu bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường đối với từng đoạn sông, hồ có cơ quan thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Tổng diện tích đất của Cơ sở là 27.985 m², với lượng mưa trung bình của tháng cao nhất trong năm 2021 (Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng), lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích của Cơ sở vào thời điểm mưa lớn nhất được tính như sau:

$$V = Q/30 \times (1 - \psi) \times S$$

Q: lượng mưa cao nhất trong tháng (Q= 0,324m).

S: diện tích (S: 27.985 m²)

ψ : hệ số thấm (ψ : 0,2 theo TCN 153:2006).

$$V = 0,324/30 \times (1 - 0,2) \times 27.985 = 241,79 \text{ m}^3.$$

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích Cơ sở khoảng 241,79 m³/ngày (khi có mưa lớn nhất trong tháng).

Nước mưa phát sinh được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của cơ sở, cụ thể như sau:

- Đối với nước mưa từ sân bãi, đường nội bộ của cơ sở được thiết kế xây dựng có độ dốc 5% và bố trí các rãnh thu gom nước mưa, các rãnh được bố trí dọc theo các khối nhà chính lề đường,... đảm bảo nước mưa thoát vào các Ao cá trong khuôn viên của trang trại.

- Đối với nước mưa trên mái nhà: mái nhà sẽ được lắp đặt các máng xối thu gom nước mưa thoát vào đường ống có đường kính 114 mm chảy xuống các hố ga và rãnh thoát nước mưa của cơ sở, cuối cùng, nước mưa sẽ theo các rãnh thoát nước mưa thoát vào nguồn tiếp nhận:

- + Ao cá số 04.

- Vị trí, phương thức thoát nước mưa và vị trí nguồn tiếp nhận nước mưa:

- + Phương thức thoát nước mưa: Tự chảy.

+ Vị trí thoát nước mưa: các Ao cá của trang trại

Bên cạnh đó, chủ cơ sở luôn duy trì việc nạo vét các rãnh thoát nước, đảm bảo cho việc tiêu thoát nước mưa được thông suốt và sạch sẽ, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và sản xuất của cơ sở.

(Sơ đồ thoát nước mưa được đính kèm trong phụ lục).

1.2. Thu gom, thoát nước thải

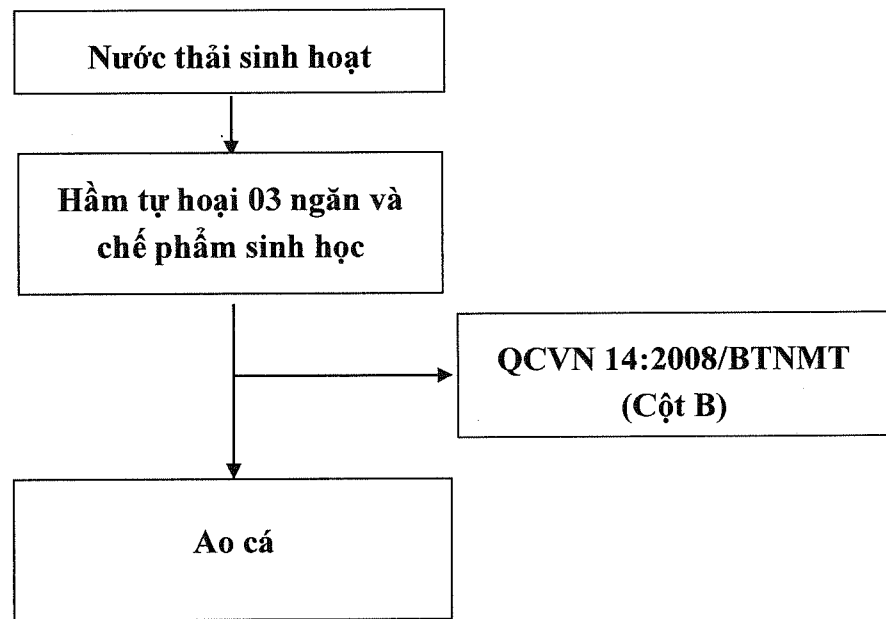
a) Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được dẫn vào hầm tự hoại 03 ngăn có thể tích thiết kế là $03m^3$ để loại bỏ phần cặn lắng, sau khi xử lý sẽ được dẫn vào Ao cá để tận dụng nuôi cá thông qua đường ống PVC có đường kính 90 mm, chiều dài khoảng 100 m.

b) Nước thải chăn nuôi: Nền chuồng có độ dốc từ 5% để đảm bảo việc thoát nước vào các hố thu gom nước thải được đặt cuối mỗi dãy trại có kích thước rộng 1m x dài 1m x sâu 1m được bố trí bên trong mỗi dãy chuồng, đảm bảo có thể thu gom hoàn toàn nước thải từ việc vệ sinh dãy chuồng nuôi. Nước thải sau đó theo đường ống PVC D100 chiều dài từ 10m-30m tùy vị trí của dãy trại chảy vào hầm Biogas để xử lý. Trong hầm ủ Biogas sẽ diễn ra quá trình điều hòa nồng độ chất bẩn, lắng các chất rắn lơ lửng và phân hủy các chất thải hữu cơ của quá trình chăn nuôi, thời gian xử lý là 30 ngày. Sau đó nước thải chảy vào ao sinh học để tiếp tục quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải nhờ các vi sinh vật và các loại thực vật (lục bình, bèo,...) có trong ao với thời gian xử lý và lưu chứa tại 02 Ao sinh học có tổng diện tích $5.450 m^2$ với thể tích $10.900 m^3$ để nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

1.3. Xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

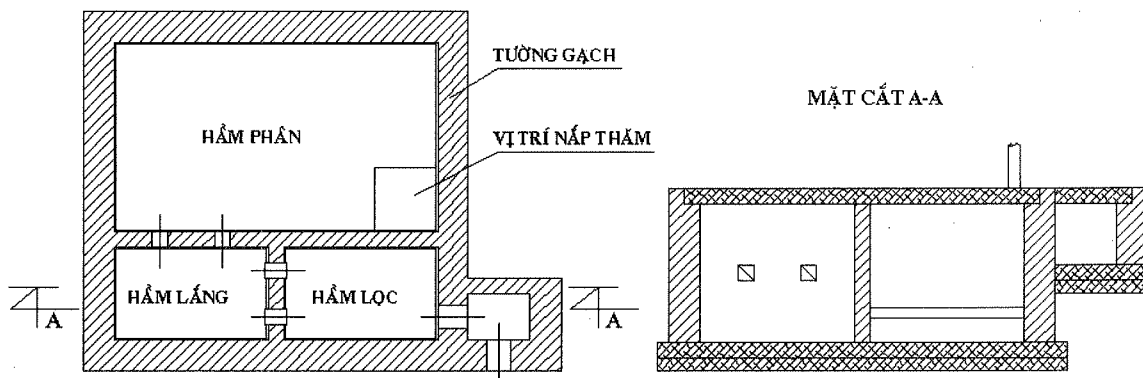
Chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh tại cơ sở, kết hợp sử dụng các chế phẩm sinh học đảm bảo nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.



Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

Bể tự hoại 03 ngăn có dạng hình chữ nhật, là công trình đồng thời làm hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý các chất ô nhiễm từ 30 - 40% (riêng phần cặn rắn được giữ lại trong bể từ 80 – 85%). Trong khoảng thời gian từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 – 65% BOD và 20 – 40% cặn lơ lửng TSS. Bên cạnh đó, cơ sở còn sử dụng các chế phẩm sinh học đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.



Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò lắng, lên men kỵ khí. Ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và phân hủy. Bể tự hoại có thời gian lưu bùn lâu, nhờ vậy hiệu suất xử lý chất ô nhiễm tăng, đồng thời lượng bùn cần xử lý giảm. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Theo Trần Đức Hạ (2006), thể tích bể tự hoại cần thiết cho hoạt động của cơ sở được tính toán như sau:

$$W = W_1 + W_2 (*)$$

Trong đó:

W_1 : thể tích phần lắng cặn của bể tự hoại, $W_1 = q.N.T_1/1000$.

W_2 : thể tích phần chứa cặn và lên men cặn, W_2 được xác định bằng công thức sau: $W_2 = a.b.c(100 - p_1)N.T_2/[(100 - p_2).1000]$.

q : tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày, lấy $q = 96$ lít/ngày.

N : số người bể tự hoại phục vụ. số lượng 08 công nhân, vậy lấy $N = 08$

T_1 : thời gian nước lưu lại trong bể tự hoại, $T_1 = 3$ ngày.

a : tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày,
 $a = 0,81$ lít/ngày.

b : hệ số kể đến độ giảm thể tích bể do bùn cặn nén, $b = 0,7$.

c: hệ số kể đến việc giữ lại một phần bùn cặn đã lên men sau mỗi lần hút, $c = 1,2$.

p_1 : độ ẩm của bùn cặn khi mới bắt đầu lắng giữ lại trong bể, $p_1 = 95\%$.

p_2 : độ ẩm của bùn cặn sau khi nén, $p_2 = 90\%$.

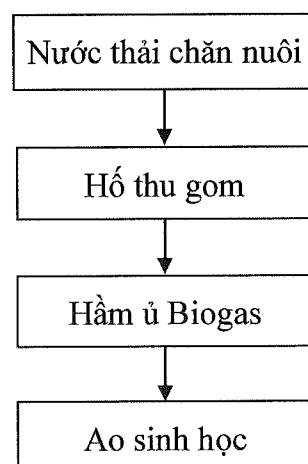
T_2 : thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men, $T_2 = 180$ ngày.

Như vậy, theo công thức (*) tổng thể tích bể tự hoại là $4,19 \text{ m}^3$.

Trang trại sử dụng hầm tự hoại với thể tích 05 m^3 nhằm đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại kết hợp với chế phẩm sinh học đảm bảo đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thoát vào Ao cá trong nằm trong khuôn viên của trang trại bằng đường ống PVC có đường kính 90 mm, chiều dài khoảng 100 m.

b) Nước thải chăn nuôi:

Nước thải từ vệ sinh chuồng trại phát sinh khoảng $16 \text{ m}^3/\text{đợt nuôi}$; do lượng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các trại gà là không liên tục, sau mỗi đợt nuôi vệ sinh trại 1 lần/đợt nuôi. Tuy nhiên mỗi ngày chỉ vệ sinh 01 dãy trại; kéo dài trong khoảng 04 ngày nên lượng nước thải phát sinh là $04 \text{ m}^3/\text{ngày}$; có thành phần chủ yếu là rắn lơ lửng, chất hữu cơ, các loại vi sinh, bên cạnh đó, nước thải của trang trại có nồng độ các chất ô nhiễm thấp vì chủ yếu là vệ sinh chuồng trại (lượng nước thải không bị lẫn phân trấu do phân gà và trấu được thu gom sạch sẽ trước). Toàn bộ lượng nước thải trên sẽ được thu gom xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B và sẽ được lưu chứa tại Ao sinh học trong khuôn viên cơ sở.



Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi tại cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải

Nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi được thu gom bằng hệ thống thoát nước riêng ở mỗi dãy. Nước thải sau đó theo đường ống PVC D100 chiều dài từ 10m-30m tùy vị trí của dãy trại chảy vào Hầm ủ Biogas được bố trí dùng riêng cho các dãy trại để xử lý (trại 1,2 dùng chung hầm biogas, trại 3 và 4 mỗi trại sử dụng 01 túi biogas riêng). Trong hầm ủ Biogas sẽ diễn ra quá trình điều hòa nồng độ chất bẩn, lắng các chất rắn lơ lửng và phân hủy các chất thải hữu cơ của quá trình chăn nuôi, thời gian xử lý là 30 ngày. Sau đó nước thải của trại 1,2,3 sẽ chảy vào Ao sinh học số 01 có diện tích 2.550 m², thể tích khoảng 5.100 m³, nước thải từ biogas của trại số 4 sau khi được xử lý sẽ chảy vào vào ao sinh học số 02 có diện tích 1.900 m², thể tích khoảng 3.800 m³ để tiếp tục quá trình phân huỷ. Tại Ao sinh học với các vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu tảo trong hóa trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ và rong tảo trong ao lại tiêu thụ CO₂, photphat và nitrat amon sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật. Khả năng loại bỏ BOD cao > 90%, khả năng loại bỏ đạm từ 70%-90%, photpho từ 30% - 40%, khả năng tiêu diệt các mầm bệnh cao (trên 99%). Đồng thời, chủ cơ sở sử dụng lục bình và các loài thực vật thủy sinh để tăng khả năng hấp thụ và xử lý các loại chất thải trong ao, định kỳ bổ sung clorin để xử lý trong trường hợp phát hiện nước tại ao sinh học có nguy cơ ô nhiễm hoặc không đạt quy chuẩn. Nước thải được lưu chứa tại ao và không thải ra nguồn tiếp nhận.

Mô tả chi tiết hệ thống

Hệ thống ống thu gom nước thải

Hệ thống ống thu gom nước thải được đặt ở cuối mỗi dãy trại để thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh sau cuối mỗi đợt nuôi; lượng nước thải thu gom sau đó theo ống tròn bằng nhựa PVC D100 chiều dài từ 10-30m vào hầm ủ Biogas để xử lý.

Hầm ủ Biogas

Nước thải từ hố thu gom theo đường ống vào hầm ủ Biogas tại đây nước thải trong môi trường yếm khí tạo điều kiện cho vi sinh vật yếm khí hoạt động. Nhờ hoạt động của hệ vi khuẩn yếm khí phân giải các hợp chất hữu cơ nhỏ thành các axit béo nhẹ và chuyển hóa thành khí sinh học. Qua đó làm giảm nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải như: BOD, COD, SS,...Phần bùn cặn của

túi ủ sau quá trình xử lý sẽ được thu gom định kỳ 2 năm/lần để bón phân cho cây trồng trong khuôn viên dự án.

Ao sinh học

Nước thải sau xử lý từ hầm ủ Biogas chảy vào ao sinh học. Tại đây với các vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu tảo trong quá trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ và rong tảo trong hồ lại tiêu thụ CO_2 , photphat và nitrat amon sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật. Khả năng loại bỏ BOD cao > 90%, khả năng loại bỏ đạm từ 70% - 90%, photpho từ 30% - 40%, khả năng tiêu diệt các mầm bệnh cao (trên 99%).

Bảng 3.1. Kích thước, kết cấu các hạng mục công trình xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Số lượng	Dung tích (m^3)	Kích thước (dài x rộng x sâu) (m)	Kết cấu
1	Hố gom	04	1	1 x 1 x 1	Thành và đáy bằng bê tông
2	Hầm ủ biogas	03	40	Hầm 1 2 x 5 x 2 Hầm 2 2 x 2.5 x 2 Hầm 3 2 x 2.5 x 2	- Hầm 1: được xây dựng bằng bê tông, cốt thép. - Hầm 2,3: dùng túi Biogas chuyên xử lý chất thải chăn nuôi. Túi được làm bằng bạt HDPE phủ bề mặt (nắp) hầm độ dày 1mm, khối lượng riêng 0,94 kg/m^2 .
3	Ao sinh học	02	8.900	5.450 m^2	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Thành phần của khí thải gây mùi hôi trong quá trình chăn nuôi chủ yếu là mùi của các hợp chất hữu cơ, bao gồm: H_2S , NH_3 , CO_2 ...; Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Để giảm thiểu chất thải khí chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế xây dựng các trại nuôi đảm bảo kín và bố trí 10 quạt hút ở mỗi dãy chuồng để đảm bảo không gian trong chuồng luôn phải đảm bảo được thông thoáng.

- Thực hiện tốt việc vệ sinh chuồng trại, thực hiện thu gom phân sau mỗi đợt nuôi không để phát tán ra môi trường bên ngoài.

- Sử dụng các loại thuốc diệt ruồi tần suất 01 lần/tuần kết hợp hợp chất dẫn dụ để diệt ruồi hữu hiệu và rất tiện sử dụng cho trang trại chăn nuôi gia cầm.

- Trồng cây xanh quanh khu vực cơ sở và nhất là phía sau các quạt hút của các dãy chuồng nuôi. Bên cạnh đó, sau chuồng nuôi chủ cơ sở còn xây dựng thêm dãy tole che chắn với chiều cao 2m, khoảng cách từ quạt hút đến tole chắn là 2,5m để hạn chế bụi và mùi hôi phát tán ra xung quanh.

- Thường xuyên xịt chế phẩm sinh học EM Pro-1 khử mùi bên trong và bên ngoài các dãy chuồng nuôi, định kỳ 05 ngày/lần.

- Giải pháp xử lý mùi hôi khu vực xử lý nước thải: chủ cơ sở sử dụng chế phẩm vi sinh học EM Pro-1 để xử lý mùi hôi ở khu vực này nếu khu vực phát sinh mùi hôi.

Như vậy, lượng mùi hôi đã bị giảm thiểu đáng kể, không gây ảnh hưởng đến hộ dân cách xa trong khu vực cơ sở.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt ăn uống của công nhân lao động. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng: 08 người x 0,8 kg/người/ngày = 6,4 kg/ngày với thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu gồm: vỏ rau củ hư hỏng, cơm, canh, rau thừa, bao nilon, hộp giấy,... Trong đó thành phần hữu cơ chiếm tỉ lệ 70 – 80% (rau quả, thực phẩm thừa,...) và thành phần vô cơ chiếm 20 - 30% (bao nilon bẩn, hộp giấy, thủy tinh,...).

Để giảm thiểu ảnh hưởng từ chất thải rắn sinh hoạt, Chủ cơ sở bố trí khoảng 4 thùng rác 100 lít để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và tập kết tại cổng của cơ sở vào mỗi buổi chiều. Sau đó, hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom, vận chuyển đi xử lý.

3.2. Chất thải rắn chăn nuôi:

- Phân gà và trấu lót nền phát sinh từ các trại sẽ được thu gom định kỳ sau khi kết thúc đợt nuôi được hợp đồng với đơn vị thu mua thu gom trong trại và phân được chứa trong các bao (khoảng 15 - 20kg/bao). Sau khi hoàn thành đóng bao sẽ được đơn vị thu mua vận chuyển đi trong ngày, không để tồn đọng tại trại. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom thì lượng trấu và phân gà được lưu chứa tại kho trong khuôn viên cơ sở; do lượng trấu và phân gà thịt có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ cơ sở thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

- Bao bì đựng thức ăn: Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom và lưu chứa trong kho chứa thức ăn, các bao bì đựng thức ăn sẽ được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.

Tổng khối lượng bao bì phát sinh sau mỗi đợt nuôi được tính như sau:

Ta có lượng thức ăn sử dụng cho trong 01 ngày:

$$(100\text{g đến } 115 \text{ g/con} \times 60.000 \text{ con})/1000 = 6.000 \text{ kg đến } 6.900 \text{ kg.}$$

Mỗi bao thức ăn có trọng lượng 25 kg.

Số bao thức ăn phát sinh trong 1 ngày khoảng:

$$(6.000\text{kg đến } 6.900\text{kg})/25\text{kg} = 240 \text{ bao đến } 276 \text{ bao/01 ngày.}$$

Mỗi đợt nuôi kéo dài 3 tháng, tổng số lượng bao thức ăn phát sinh sau mỗi đợt nuôi là:

$$(240 \text{ bao đến } 276 \text{ bao/01 ngày}) \times 90 \text{ ngày} = 21.600 \text{ đến } 24.840 \text{ bao/đợt nuôi.}$$

Mỗi bao thức ăn nặng khoảng 0,1 kg, như vậy khối lượng bao thức ăn sau mỗi đợt sẽ là:

$$(21.600 \text{ đến } 24.840 \text{ bao/đợt nuôi}) \times 0,1\text{kg} = 2.160 \text{ đến } 2.484 \text{ kg/đợt nuôi} \\ = \mathbf{2,16 \text{ đến } 2,484 \text{ tấn/đợt nuôi.}}$$

- Xác gà chết không do dịch bệnh: Chủ cơ sở bố trí khu vực chôn xác gà chết không do dịch bệnh với diện tích khu vực là 50m² (mỗi hố chôn có kích thước là sâu 1,5m x rộng 1,5m x dài 2m).

+ Loại hình chăn nuôi của cơ sở là gà thịt nên lượng gia cầm chết tự nhiên, không do dịch bệnh rất ít (do Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P cung cấp), ước tính tỷ lệ gà chết tự nhiên khoảng 1% trong suốt đợt nuôi (khoảng 600 con) với khối lượng tương đương 1.560 kg/đợt (1,56 tấn/đợt) tính theo khối lượng trung bình gà đạt 2,6 kg/con.

+ Đối với khối lượng gà chết tự nhiên ước tính nêu trên, chủ cơ sở thực hiện phương pháp chôn lấp tuân thủ theo đúng Phụ lục 06 - Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Cụ thể:

+ Kích thước hố theo quy định: Sâu 1,5 - 2m x rộng 1,5 - 2m x dài 1,5 - 2m (chôn 1 tấn động vật), chủ cơ sở lựa chọn kích thước hố là Sâu 2m x rộng 2m x dài 2m (diện tích 4 m²) để xử lý xác gà chết không do dịch bệnh.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 10m². Kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có ngạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại bố trí 03 thùng chứa 50 lít có nắp đậy. Kho chất thải nguy hại, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các chai lọ đựng vắc - xin, thuốc thú y, kim tiêm sẽ được công ty cung cấp thuốc thu gom lại theo định kỳ để xử lý (Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P). Các chất thải nguy hại còn lại chủ cơ sở sẽ hợp đồng với các đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, xử lý khi đủ số lượng theo quy định.

Đối với xác gà chết do dịch bệnh: Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh, chủ cơ sở thông báo cho cán bộ thú y xã hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật cấp xã để cán bộ thú y tới lấy mẫu xét nghiệm xem có dương tính với các loại dịch bệnh hay không. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch, chủ cơ sở sẽ phối hợp với địa phương chọn địa điểm tiêu hủy. Theo khuyến cáo của OIE và FAO nên ưu tiên chọn địa điểm tiêu hủy ngay tại khu vực chăn nuôi có động vật mắc bệnh hoặc địa điểm thích hợp khác gần khu vực có ổ dịch để hạn chế việc vận chuyển xác gà đi xa khiến virus phát tán ra ngoài môi trường ảnh hưởng tới các khu chăn nuôi an toàn khác. Quá

trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 - Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, cụ thể như sau:

Khu vực chôn lấp được bố trí tại khu đất trống của cơ sở với diện tích khoảng 1000 m², diện tích trên được tính dựa trên các số liệu sau:

- + Số lượng tối đa gà có trong trại 60.000 con.
- + Trọng lượng tối đa 01 con gà: 2,6 kg. Vậy tổng trọng lượng gà cần chôn là: 60.000 x 2,6 = 156.000 kg = 156 tấn.
- + Chọn kích thước hố chôn lấp 01 tấn gà: sâu 2m x rộng 2m x dài 2m. Ta có diện tích cần chôn 01 tấn gà là: 2 x 2 = 4 m².
- + Vậy diện tích cần chôn gà chết do dịch bệnh: 156 tấn gà x 4 m² = 624m².
- + Do đó chủ trang trại bố trí khu vực chôn lấp xác gà chết do dịch bệnh là: 1000 m².
- + Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xác gà xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sứt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.
- + Sau khi chôn lấp, bề mặt hố chôn và xung quanh hố sẽ được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán. Đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động gia cầm.

Bảng 3.2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

ST T	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh	Nguồn phát sinh
1	Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	10 kg/năm	Từ quá trình chăm sóc, tiêm ngừa, chữa bệnh gia cầm

2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	0,1 kg/năm	Từ quá trình tiêm ngừa, chữa bệnh
3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	02 lít/năm	Cặn dầu từ máy phát điện dự phòng
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	01 kg/năm	Thắp sáng đường, chuồng nuôi, các đầu trại
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	0,2 kg/năm	Từ quá trình bảo dưỡng thiết bị
6	Xác gia cầm chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 01	Tối đa 156 tấn	Từ quá trình chăn nuôi

(Nguồn: Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Hiệp, 2023)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn , độ rung

Để giảm thiểu các tác động của tiếng ồn và độ rung, này chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:

- Đối với phương tiện vận chuyển:

+ Ưu tiên sử dụng các phương tiện vận chuyển có động cơ đảm bảo chất lượng, thường xuyên bảo dưỡng máy móc.

+ Khi thực hiện các hoạt động nhiều tiếng ồn, yêu cầu công nhân thực hiện thao tác phải sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân nhằm hạn chế tác động của tiếng ồn.

+ Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào thời điểm thích hợp sao cho giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến sức khỏe của người dân xung quanh.

- Đối với máy phát điện dự phòng:

+ Khu vực đặt máy phát điện được che chắn cẩn thận hạn chế tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

+ Đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về tiếng ồn trong quá trình hoạt động

+ Lắp pô giảm âm thanh cho máy phát điện; Máy được đặt trên các tấm đệm lót chống rung.

+ Máy phát điện được đặt ở khu vực riêng và được định kỳ bảo dưỡng cẩn thận

Ngoài ra, để hạn chế phát sinh tiếng ồn tại khu vực cơ sở, chủ cơ sở tiến hành trồng cây xanh xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố:

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải:

Chủ cơ sở sẽ bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, kiểm tra ao sinh học: Công nhân phụ trách môi trường của cơ sở thường xuyên kiểm tra ao sinh học, nếu nước trong các ao này có màu nâu đỏ, nhiều chất rắn lơ lửng thì sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Bón vôi hay zeolite vào Ao sinh học để hỗ trợ quá trình xử lý nước thải.

+ Ao sinh học tại Cơ sở được xây dựng với bờ bao có cao độ 1,5m so với mặt bằng chung của khu vực nên có khả năng chống ngập lụt khá tốt. Đối với trường hợp vào những ngày mưa lớn sẽ dẫn đến nguy cơ các ao sinh học bị tràn nước: Công nhân làm việc tại cơ sở phải thường xuyên kiểm tra các ao sinh học tại cơ sở khi trời mưa lớn, nếu thấy ao có nguy cơ bị tràn sẽ tiến hành đắp bờ ao cao hơn để tránh tình trạng nước từ các ao sinh học chảy tràn vào nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm môi trường.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải:

a) Chất thải rắn chăn nuôi (chất thải rắn công nghiệp thông thường):

Trong quá trình hoạt động, chất thải rắn chăn nuôi phát sinh chủ yếu là phân gà và trấu với khối lượng khoảng 60 tấn/đợt nuôi, lượng chất thải rắn chăn nuôi này được chủ cơ sở thu gom đóng bao và bán toàn bộ cho các đơn vị thu mua. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom thì lượng trấu và phân gà được lưu chứa tại kho trong khuôn viên cơ sở; do lượng trấu và phân gà thịt có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ cơ sở thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

b) Chất thải nguy hại:

Kho chất thải nguy hại của trang trại có diện tích 10m², được xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Kho chất thải nguy hại của trang trại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu dùng khi xảy ra các sự cố, cụ thể như sau:

- Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy;
- Có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh:

a) Phòng ngừa dịch bệnh:

Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch các loại vắc xin phòng bệnh nhằm ngăn ngừa dịch bệnh xảy ra theo quy định tại Phụ lục 07 – Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016.

Công nhân ra vào trại phải được vệ sinh sạch sẽ, trang bị bảo hộ lao động khi làm việc và phải xịt khử khuẩn trước, sau khi ra vào các dãy chuồng.

Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi và chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày.

Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi phải đi qua hố khử trùng và phải được phun thuốc sát trùng. Mọi người trước khi vào khu chăn nuôi phải thay quần áo, giày dép và mặc quần áo bảo hộ của trại; trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng. Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 01 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 01 lần/02tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên gà 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh trong khu chăn nuôi ít nhất 2 tuần/lần.

Thường xuyên vệ sinh khu vực nuôi, phun các chế phẩm để xử lý ruồi như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC,... tần suất 02 lần/tuần trong suốt thời gian đợt nuôi (12 tháng); bố trí hệ thống sát trùng khu vực ra vào trại.

Định kỳ thực hiện tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng toàn bộ chuồng trại, khu vực chăn nuôi, định kỳ 02 tuần/lần. Phương tiện vận chuyển ra vào trại phải được phải được khử trùng.

b) Phương án ứng phó khi có dịch bệnh:

Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh chủ cơ sở sẽ thông báo cho ngành thú ý ở địa phương và đại diện Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch chủ cơ sở sẽ phối hợp với các đơn vị trên tiến hành tiêu hủy toàn bộ số gà bị mắc bệnh. Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016.

Khu vực chôn lấp được bố trí tại khu đất trống đối diện của cơ sở với diện tích khoảng 1000 m², diện tích trên được tính dựa trên các số liệu sau:

- + Số lượng tối đa gà có trong trại 60.000 con.
- + Trọng lượng tối đa 01 con gà: 2,6 kg. Vậy tổng trọng lượng gà cần chôn là: $60.00 \times 2,6 = 156.000 \text{ kg} = 156 \text{ tấn}$.
- + Chọn kích thước hố chôn lấp 01 tấn gà: sâu 2m x rộng 2m x dài 2m. Ta có diện tích cần chôn 01 tấn gà là: $2 \times 2 = 4 \text{ m}^2$.
- + Vậy diện tích cần chôn gà chết do dịch bệnh: $156 \text{ tấn gà} \times 4 \text{ m}^2 = 624 \text{ m}^2$.
- + Do đó chủ trang trại bố trí khu vực chôn lấp xác gà chết do dịch bệnh là: 1.000 m².
- + Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xác gà xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sục, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Sau khi chôn lấp, bề mặt hố chôn và xung quanh hố sẽ được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán. Đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động gia cầm.

+ Khu vực chôn lấp được kiểm tra 1 tuần/lần trong vòng 1 tháng đầu sau khi chôn lấp. Nếu có hiện tượng bất thường như hố chôn vị sụt, lún, vỡ bề mặt,... sẽ sử dụng các biện pháp xử lý kịp thời là phủ thêm đất, lấp lại, phun hoá chất khử trùng,...

+ Ngoài ra cần phải rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi, để khô, sau đó phun sát trùng 02 lần, cách nhau 10-15 ngày bằng một trong các dung dịch: nước vôi tôi 10%, xút 2-3%, formol 2-3%, crezin 5%.

6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo phòng chống cháy nổ. Cụ thể như sau:

- Các nguồn nguyên liệu dễ cháy nổ phải được quản lý đúng quy định, tránh nơi nhiệt độ cao, xa nguồn lửa. Nghiêm cấm mọi người hút thuốc trong các kho thức ăn, phế liệu bao bì,... các nơi dễ sinh cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra an toàn điện năng đối với các thiết bị sử dụng điện.

- Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho cơ sở.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện gồm:

- + Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ, có thiết bị bảo vệ quá tải.

- + Hệ thống đường điện đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha role cho các thiết bị sử dụng điện và được thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện.

- + Chương trình phổ biến hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên về nội quy an toàn điện. Trang bị bảo hộ an toàn điện cho công nhân vận hành, sửa chữa điện.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Không có

8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Không có

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

a) Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của cơ sở (từ quá trình vệ sinh 04 dãy trại sau mỗi đợt nuôi)

- Nguồn 2: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân, người lao động tại trang trại.

b) Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nguồn số 01: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 04 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 0,64 m³/ngày đêm.

c) Dòng nước thải:

- Dòng số 01: Nước thải chăn nuôi sau quá trình xử lý và lưu chứa tại Ao sinh học.

Các chất ô nhiễm và giới trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải chăn nuôi sau xử lý sẽ đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép trình bày như sau:

Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/L	100
3	COD	mg/L	300
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	150
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/L	150
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

- Dòng số 02: Nước thải sinh hoạt sau quá trình xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn kết hợp chế phẩm sinh học được xả vào Ao cá 04 nằm trong khuôn viên của trang trại.

Các chất ô nhiễm và giới trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép trình bày như sau:

Bảng 4.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/L	50
3	TSS	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000
5	Sunfua	mg/L	4.0
6	Amoni	mg/L	10
7	Nitrat	mg/L	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	Phosphat	mg/L	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

d) Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng số 01:

+ Vị trí xả thải: Tại ấp Công Đôi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 6⁰): X= 0540927; Y= 1077290.

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận: Ao sinh học

- Dòng số 02:

+ Vị trí xả thải: Tại ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 6°): X= 0540917; Y= 1077285.

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận: Ao cá 04 trong khuôn viên cơ sở.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Nguồn phát sinh khí thải: khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện giao thông, máy phát điện dự phòng. Thành phần chủ yếu là bụi, SO_2 , NO_2 , CO; nguồn ô nhiễm này ở dạng phát tán nên cơ sở không đề xuất cấp phép đối với nội dung này.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn và độ rung từ máy phát điện dự phòng khi hoạt động (khi cơ sở bị mất điện).

- Vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 6°): X= 0540914; Y= 1077283.

- Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung: đảm bảo đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 4.3. Giới hạn tiếng ồn, độ rung

ST T	Thông số	Đơn vị	Giá trị		Quy chuẩn quy định
			Từ 6 giờ – 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT – Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT – Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải:

a) Chất thải sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh phát sinh tại cơ sở 6,4 kg/ngày được chủ cơ sở để thu gom vào 04 thùng rác 100 lít tập kết tại cổng của cơ sở vào mỗi buổi chiều và hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom, vận chuyển đi xử lý.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn chăn nuôi) phát sinh từ hoạt động chăn nuôi tại cơ sở chủ yếu gồm: phân gà, bao bì đựng thức ăn,... Đối với từng loại chất thải rắn chăn nuôi, chủ trang trại sẽ có biện pháp xử lý đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 4.4. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

ST T	Chủng loại	Khối lượng phát sinh	Phương án thu gom, xử lý
1	Phân gà và sơ dừa	60 tấn/đợt nuôi	Được thu gom cho vào bao (mỗi bao khoảng 15 – 20 kg) và bán cho các đơn vị thu mua
2	Bao bì đựng thức ăn	2,16 đến 2,848 tấn/đợt nuôi	Được thu gom và chứa vào kho của cơ sở, các bao đựng thức ăn sẽ được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.
3	Xác gà chết không do dịch	1,56 tấn/đợt nuôi	Tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp. Hố chôn có diện tích 50 m ² .

c) Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại chủ yếu là chai lọ đựng vắc – xin, thuốc thú y, kim tiêm, nhớt thải từ máy phát điện dự phòng, xe vận chuyển, giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải và xác gia cầm chết do dịch (trường hợp có dịch bệnh xảy ra). Chủ trang trại sẽ có biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 4.5. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

ST T	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh	Phương án thu gom, xử lý
1	Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	10 kg/năm	Chủ trang trại sẽ tiến hành thu gom và lưu trữ trong 03 thùng nhựa loại 100 lít/thùng, có dán nhãn và lưu chứa tại Kho chất thải nguy hại có diện tích 10 m ² . Chủ trang trại sẽ hợp đồng với các đơn vị chức năng để tiến hành thu gom, xử lý định kỳ 02 lần/năm theo đúng quy định của pháp luật.
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	0,1 kg/năm	
3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	02 lít/năm	
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	01 kg/năm	
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	0,2 kg/năm	
6	Xác gia cầm chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 01	Tối đa 156 tấn/đợt nuôi	Tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp. Hồ chôn có diện tích 1.000 m ² được bố trí ở khu đất trống cơ sở.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Cơ sở đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Chủ cơ sở thực hiện lấy kết quả quan trắc nước thải năm 2024.

Thời gian thực hiện quan trắc:

Ngày 19/03/2024.

Đơn vị thực hiện quan trắc

- Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú.
- Địa chỉ liên hệ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.66604779
- Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú đã được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, phòng thí nghiệm đạt chứng nhận Vimcerts 292, đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Kết quả quan trắc đối với nước thải

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN62-MT:2016/B TNMT, cột B
			NT.01	NT.02	
1	pH	-	6,04	6,1	5,5-9
2	TSS	mg/L	42	39	150
3	COD	mg/L	81,6	78,4	300
4	BOD ₅	mg/L	40,1	42	100
5	Tổng N	mg/L	37,1	35	150
6	Coliform	MPN/100mL	1,4x10 ³	1,3x10 ³	5x10 ³

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú)

* Nhận xét:

Kết quả phân tích nước thải sau xử lý tại các ao sinh học của cơ sở cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của trang trại, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn cơ sở đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Chủ cơ sở sẽ tiến hành vận thành thử nghiệm đối với hệ thống biogas của cơ sở.

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

STT	Mục đích	Thời gian	Công suất xử lý
1	Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm	Ngày 01/07/2024	100% lượng nước thải chăn nuôi phát sinh
2	Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm	Ngày 03/08/2024	100% lượng nước thải chăn nuôi phát sinh

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải trước khi thực hiện việc xả thải ra ngoài môi trường như sau:

Bảng 6.2. Dự kiến thời gian lấy mẫu

STT	Mục đích	Thời gian	Tần suất
1	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải	30 ngày (từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/07/2024)	Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải); thông số theo quy định.

STT	Mục đích	Thời gian	Tần suất
2	Giai đoạn đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định	03 ngày (01/08/2024 đến ngày 03/08/2023)	Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải); thông số quan trắc thực hiện theo quy định.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải như sau:

Bảng 6.3. Kế hoạch lấy và phân tích mẫu nước thải

STT	Giai đoạn vận hành thử nghiệm	Thông số đánh giá	Số lượng mẫu	Thời gian
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất xử lý của công trình xử lý nước thải			
1	Đầu vào (01 mẫu/ngày) (tại hố ga thu gom)	pH, COD, BOD ₅ , TSS, Tổng Nito, Tổng Coliform	3	- Ngày 01/07/2024 - Ngày 16/07/2024 - Ngày 30/07/2024
2	Đầu ra (01 mẫu/ngày) (tại vị trí ao sinh học lưu chứa)		3	
II	Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn hệ thống vận hành ổn định			
1	Đầu vào (01 mẫu/ngày)	pH, COD, BOD ₅ , TSS, Tổng Nito, Tổng Coliform	1	- Ngày 01/08/2024
2	Đầu ra (01 mẫu/ngày)		3	- Ngày 01/08/2024 - Ngày 02/08/2024 - Ngày 03/08/2024

Ghi chú:

- QCVN so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

- Mẫu: Mẫu tổ hợp, được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa - chiều, chiều - tối), sau đó được trộn đều với nhau.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Hiệp dự kiến sẽ phối hợp với công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.

Đơn vị phải có chức năng thực hiện các hoạt động về quan trắc, phân tích các dữ liệu tài nguyên và môi trường; cung ứng các dịch vụ, kỹ thuật về tài nguyên và môi trường. Trung tâm có đủ điều kiện và chức năng thực hiện quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc môi trường

Cơ sở không thuộc trường hợp phải quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 111 và khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ Môi trường 2020, khoản 1 Điều 97 và khoản 1 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Tuy nhiên, để đảm bảo vấn đề bảo vệ môi trường chủ cơ sở xin tự đề xuất chương trình quan trắc của cơ sở, cụ thể như sau:

2.1. Quan trắc nước thải

- Thông số: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng nitơ (theo N), tổng Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 điểm, tại vị trí Hố ga thu mẫu trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là kênh kênh thủy lợi.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

2.2. Quan trắc nước mặt

- Thông số: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, tổng Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 điểm, tại vị trí trên kênh thủy lợi tiếp giáp cơ sở.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Cột B₁.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Chủ cơ sở bố trí kinh phí thực hiện công việc giám sát chất lượng môi trường, kinh phí giám sát tính theo quy định hiện hành. Kinh phí giám sát môi trường dự kiến như sau:

Bảng 6.4. Tổng kinh phí giám sát môi trường

ST T	Thành phần	Số mẫu giám sát	Tần số giám sát (lần/năm)	Thành tiền (đồng)
1	Giám sát nước thải	02	02	7.000.000VNĐ
2	Giám sát nước mặt	02	02	9.000.000VNĐ

**CHƯƠNG VII.
KẾT QUẢ KIỂM TRA , THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm gần nhất (2021 và 2022), tại cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

Chủ cơ sở cam kết thực hiện việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Thu gom, xử lý chất thải rắn chăn nuôi đúng theo quy định của pháp luật; thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của pháp luật.

- Thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận là kênh thủy lợi.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo.

- Thực hiện việc đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro môi trường khi triển khai cơ sở.

- Cam kết nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý có liên quan.

Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường như:

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong giấy phép môi trường được phê duyệt.

+ Sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại.

+ Thực hiện các biện pháp kiểm soát, giám sát, xử lý giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, nước thải trong quá trình hoạt động của Trang trại.

+ Thực hiện các biện pháp phân loại, thu gom, lưu trữ, hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

+ Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.

+ Cam kết thu gom và xử lý triệt để chất thải nguy hại như: gà bệnh, gà chết, các lọ vaccine, ống tiêm, kim tiêm vaccine sau khi sử dụng.

Chủ cơ sở cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Tiêu chuẩn, các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ;
- Sơ đồ mặt bằng của trang trại;
- Sơ đồ thoát nước mưa của trang trại;
- Sơ đồ thoát nước thải của trang trại;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Quyết định phê duyệt ĐTM, xác nhận giấy phép môi trường và các văn bản liên quan.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 565 /QĐHC-CTUBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng
Trang trại chăn nuôi gà thịt của Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn Hiệp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi gà thịt của Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn Hiệp tại Biên bản số 30/BB.HĐTĐ họp ngày 05/7/2011 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi gà thịt đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình ngày 28/5/2012 của Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn Hiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 463/TTr-TNMT-MT ngày 06/6/2012),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi gà thịt của Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn Hiệp thực

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1082/GXN-STNMT

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 8 năm 2016

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án "Trại chăn nuôi gà thịt" của DNTN Nguyễn Văn Hiệp"

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn Hiệp.

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Địa điểm hoạt động: Ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại: 0918 296 337.

Tài khoản số: 101010002892891 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Sóc Trăng.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 565/QĐHC-CTUBND ngày 12/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Trại chăn nuôi gà thịt" của DNTN Nguyễn Văn Hiệp tại ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (tài Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, Mục 2, Mục 3 và Mục 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. *hnt*

Nơi nhận:

- DNTN Nguyễn Văn Hiệp;
- Thanh tra Sở;
- PC 49;
- Phòng TN&MT huyện Châu Thành;
- Lưu VT.CC.BVMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Chánh



PHỤ LỤC

Đã nhận số: 1082/GXN-STNMT ngày 22 tháng 8 năm 2016
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng

1. Công trình xử lý nước thải:

Đã lắp đặt đường ống Φ 114 để thu gom nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các trại gà về các ao sinh học phía sau các trại để xử lý, lưu chứa nước thải (nước thải không thải ra môi trường). Có xây dựng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt.

2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Có xây dựng hàng rào và trồng cây xanh xung quanh trang trại để hạn chế phát tán mùi hôi, bụi ra môi trường xung quanh.

3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom và hợp đồng với đội thu gom rác của huyện Châu Thành để thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Đối với chất thải phát sinh trong quá trình chăn nuôi: Phân gà, trấu phát sinh sau mỗi đợt nuôi được thu gom, hợp đồng bán cho đơn vị thu mua.

- Đối với chất thải nguy hại: Đã xây dựng 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại, lưu chứa và quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

Có bố trí các thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số: 1082/GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 22 tháng 8 năm 2016".

6. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.



UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 494/STNMT-MT

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 7 năm 2011

V/v thông báo kết quả thẩm định và chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Kính gửi: DNTN Nguyễn Văn Hiệp.

Căn cứ Biên bản số: 30 /BB.HĐTD, ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc tổng hợp ý kiến thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư trang trại nuôi gà thịt;

Qua ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ đầu tư và đơn vị tư vấn cần chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường nội dung cụ thể như sau:

*** Phần mở đầu:**

- Bổ sung tên của chủ dự án vào danh sách thành viên lập báo cáo ĐTM.
- Xuất xứ: bỏ nội dung liệt kê các văn bản pháp lý.
- Mục đích của ĐTM: xem lại có cần không, theo phụ lục 04 Thông tư 05 không có nội dung này và mục đích đã được đề cập tại nội dung phần xuất xứ.
- Bổ sung các văn bản sau vào căn cứ pháp lý: Thông tư số 12/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại; Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; Quyết định số 814/QĐHC-CTUBND.
- Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM: bỏ nội dung đề xuất các biện pháp giảm thiểu và chương trình giám sát, do không phải là phương pháp.

*** Chương 1: Mô tả tóm tắt dự án.**

- Không nêu tên dự án trong nội dung Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư.
- Chủ đầu tư: đề nghị bổ sung tên cơ quan của chủ dự án, chức danh của người đứng đầu cơ quan.

- Kết cấu quy mô hệ thống giao thông nội bộ chưa được mô tả như thế nào? Đồng thời báo cáo chưa đánh giá và đề ra biện pháp giảm thiểu về giao thông nhằm đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

*** Chương 2: Điều kiện tự nhiên, môi trường và kinh tế xã hội.**

- Phân tích chi tiết hiện trạng chất lượng nước mặt và tình hình sử dụng nước tại khu vực dự án (mục 2.1.2.a).

- Về khí tượng thủy văn đề nghị đưa ra chuỗi số liệu của ba năm gần nhất để đánh giá.

*** Chương 3: Đánh giá tác động môi trường.**

- Đối tượng bị tác động: bổ sung môi trường nước ngầm.

- Đánh giá tác động nguồn nước thải sản xuất: cần có bảng số liệu đối chiếu với Quy chuẩn hiện hành đối với nồng độ của các chất ô nhiễm; và có tính toán cụ thể hơn về lượng phát sinh phân gà và trâu lớt (trang 24).

- Bổ sung tác động do nước mưa chảy tràn và phân tích cụ thể hơn các chất ô nhiễm phát sinh từ nguồn nước mưa chảy tràn, vì nguồn nước này sẽ bị nhiễm bẩn đối với một trang trại chăn nuôi. Đánh giá tác động khi có dịch bệnh xảy ra.

- Đề nghị xây dựng tường chắn sau quạt hút (trang 27).

*** Chương 4: Biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.**

- Trình bày rõ thời gian lưu nước thải ở bể kỵ khí và mô tả nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý. Không thể lưu chứa trong các ao mà không có đường thoát, nhất là trong mùa mưa. Định lượng bùn thải và cách xử lý thích hợp.

- Mô tả cụ thể cách phát tán biogas từ quá trình xử lý kỵ khí để tránh ô nhiễm không khí.

- Trường hợp lượng mưa lớn, giải pháp thoát nước như thế nào, nên có giải pháp xử lý cụ thể, tránh không để ô nhiễm môi trường xung quanh.

- Nêu giải pháp xử lý phân gà trong trường hợp chưa vận chuyển đi được trong 24 giờ; giải pháp xử lý tiếng ồn từ gia cầm và mùi sau quạt hút ở các trại gà.

- Trong hệ thống xử lý nước thải: nêu rõ bể yếm khí UASB; thêm vào đó lượng nước thải nên thu gom tập trung rồi khử trùng trước khi đưa qua ao lưu chứa cần xác định thời gian khử trùng, liều lượng hóa chất khử trùng và thời gian tồn lưu nước thải ở ao lưu chứa; có xây bể tiếp xúc hoặc bể khử trùng hay không?

- Hệ thống thoát nước thải: xác định vị trí thoát ra kênh thủy lợi và tại vị trí này cần giám sát nước thải.

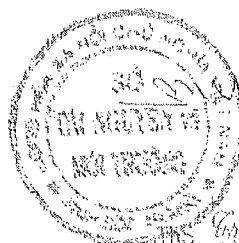
- Đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại Theo Thông tư 12/2011/TT-BTNMT về quản lý chất thải nguy hại

Để sớm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ đầu tư và đơn vị tư vấn chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh báo cáo theo nội dung yêu cầu nêu trên và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (kèm theo văn bản giải trình chỉnh sửa báo cáo ĐTM của Dự án, ký vào góc trái phía dưới của từng trang của một (01) bản báo cáo đã được hoàn chỉnh, nhân bản và đóng thành quyển gáy cứng với số lượng bốn (04) cuốn và kèm theo một (01) bản được ghi trên đĩa CD)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị tư vấn;
- Chi cục BVMT;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *Được*



Trần Văn Thành

Châu Thành, ngày 13 tháng 12 năm 2011

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 08/GPXD

(Sử dụng cho công trình, nhà ở riêng lẻ đô thị)



1. Cấp cho: **NGUYỄN VĂN HIỆP**

- Địa chỉ: ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- **Tên công trình:** xây dựng trại chăn nuôi gà.

- **Xây dựng trại nuôi gia cầm (04 trại) gồm:** Khung + Móng + Cột + Đà bê tông cốt thép; Nền bê tông xi măng đá 1x2; Mái lợp tole lạnh dày 4,2 dem; Vi kèo thép V, đòn tay thép hộp; không xây tường. Hướng xử lý nước thải: từ trại nuôi gà - hầm Biogas - ao nuôi cá kết hợp thủy sinh - nước đạt chất lượng trước khi đổ ra kinh thủy lợi.

- **Diện tích xây dựng:**

+ Trại gà 01 (02 trại): 2.816 m².

+ Trại gà 02 (02 trại): 3.200 m².

- **Tổng diện tích xây dựng (04trại): 6.016 m².**

- **Vị trí xây dựng:** thuộc tờ bản đồ số 02 gồm các thửa: thửa 643, diện tích 4095 m²; thửa 917, diện tích 7162 m²; thửa 457, diện tích 4161 m²; thửa 644, diện tích 5542 m²; thửa 850, diện tích 4425 m²; thửa 458, diện tích 2600 m² (Loại đất nông nghiệp khác: NHK), tọa lạc tại ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- **Cốt nền xây dựng:** Từ nền nhà (coste ±0.00 trong bản vẽ) xuống mặt đất tự nhiên là 0,4 mét.

- **Vị trí xây dựng công trình:** Cách tim đường Quốc lộ 1 A là 343,6 m hướng từ Châu Thành đi Hồ Đắc Kien phía bên phải tuyến (phù hợp với quy hoạch tuyến giao thông Quốc lộ 1A).

- **Chiều cao công trình:** từ nền nhà lên đỉnh mái nhà là 4.0 mét.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời gian **01 năm** kể từ ngày cấp; quá thời hạn thì phải xin gia hạn giấy phép.

4. Bản vẽ thiết kế do chủ hộ thuê thiết lập, chủ hộ chịu trách nhiệm về giải pháp kết cấu và kiến trúc của công trình xây dựng.

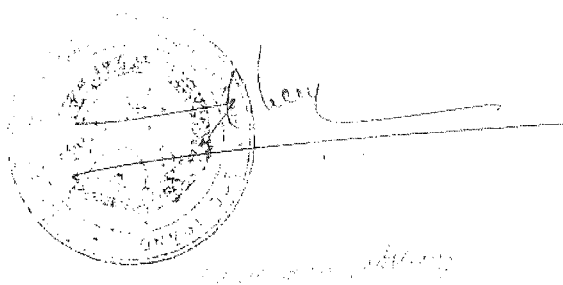
Nơi nhận:

- Chủ hộ;
- Phòng Công thương;
- UBND xã HĐK;
- Lưu.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
NGUYỄN VĂN HIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: .../CV

Châu Thành, ngày 26 tháng 03 năm 2011

*"V/v cho ý kiến về các biện pháp giảm
thiểu tác động tiêu cực đến môi trường
của trang trại: Chăn nuôi gà thịt"*

Kính gửi: - UBND xã Hồ Đắc Kien
- Ủy ban MTTQ xã Hồ Đắc Kien

Căn cứ Luật bảo vệ Môi Trường Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ Môi Trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/06/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính Phủ, về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật bảo vệ Môi trường;

Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 8 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ vào phương án hoạt động của DNTN Nguyễn Văn Hiệp: Trang trại chăn nuôi gà thịt.

Theo quy định tại Mục 2 – Phần III của Thông tư 05/2008/TT-BTNMT ngày 8 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường, chủ dự án phải gửi văn bản xin ý kiến đến Ủy Ban Nhân Dân và Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc tại nơi thực hiện dự án, để thông báo về những nội dung cơ bản của dự án, những tác động xấu về môi trường của dự án, những biện pháp để giảm thiểu tác động xấu về môi trường sẽ áp dụng.

Căn cứ theo nội dung quy định này, chủ đầu tư: DNTN Nguyễn Văn Hiệp kính gửi đến UBND và UBMTTQ xã Hồ Đắc Kien những nội dung cơ bản như sau:

1. Những nội dung cơ bản của Doanh nghiệp

1.1 Thông tin về dự án

- Tên dự án: trang trại chăn nuôi gà thịt;

- Địa điểm thực hiện trang trại: ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành;
- Qui mô trang trại: Tổng diện tích đất xây dựng 23.460 m² bao gồm:
 - . Diện tích đất xây dựng các trại gà : 6.016 m²;
 - . Diện tích đất xây dựng kho thức ăn, nhà nghỉ công nhân : 300 m²;
 - . Nhà làm việc : 30 m²;
 - . Diện tích các ao mương, đất trồng, lối đi, trồng cây xanh,... : 17.114 m².

Với tổng diện tích các trại, hàng năm Doanh nghiệp sẽ thả nuôi khoảng 03 đợt gà thịt, mỗi đợt thả 60.000 con, sau thời mỗi đợt nuôi 03 tháng Công ty CP sẽ thu lại gà và Doanh nghiệp sẽ vệ sinh chuồng trại để chuẩn bị cho lứa gà kế tiếp.

- Tổng vốn đầu tư: 8.000.000.000 d.

1.2 Chủ đầu tư

- Chủ Doanh nghiệp: Nguyễn Văn Hiệp
- Địa chỉ: ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành
- Điện thoại: 0918296337

1.3 Vị trí địa lý trang trại

- Vị trí tiếp giáp : trang trại được xây dựng tại ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành ,có vị trí tiếp giáp như sau:

- . Phía trước giáp: Quốc lộ 1A
- . Phía sau giáp: đất ruộng
- . Phía bên trái giáp: đất ruộng
- . Phía bên phải giáp: đất ruộng

1.4 Lĩnh vực hoạt động của Doanh nghiệp

Hoạt động của Doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chăn nuôi gia cầm tập trung qui mô trang trại.

2. Các tác động tiêu cực đến môi trường hoạt động Doanh nghiệp và biện pháp giảm thiểu

TT	TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU
1	Nước thải sinh hoạt của công nhân	Bể tự hoại
2	Nước thải từ các hoạt động vệ sinh trại gà, vệ sinh mặt bằng	Xử lý bằng hầm ủ UASB và hệ thống các ao tại trang trại
3	Chất thải rắn sinh hoạt	Lắp đặt các thùng chứa rác trong khu vực trang trại Hợp đồng với đội vệ sinh của thị trấn thu gom, xử lý
4	Chất thải rắn sản xuất	- Phân gà: thu gom định kỳ sau khi kết thúc 01 đợt chăn nuôi, ký hợp đồng bán cho các trang trại tại Miền đông Nam bộ - Bao bì thức ăn: thu gom lưu giữ tại các kho của trại, tái sử dụng để lưu chứa phân gà - Chai lọ thú ý: thu gom lưu giữ tại trại
5	Khí thải, mùi	- Chuồng trại được che chắn kín, phân được thu gom định kỳ - Xử lý chế phẩm sinh học, men dùng trong thức ăn và xử lý phân và khử mùi.
6	Vi khí hậu	Trồng cây xanh trong khuôn viên để giảm các yếu tố vi khí hậu

Trong quá trình thi công và khi xây dựng hoàn thành đi vào hoạt động, sẽ bảo đảm về độ trung thực của các tác động và thực hiện đúng các biện pháp giảm thiểu như đã đề ra. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

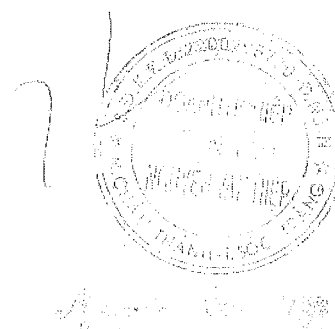
Kính đề nghị UBND và UBNDTTQ xã Hồ Đắc Kien xem xét và cho ý kiến về các tác động đến môi trường và biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường đã đề ra, để sớm hoàn thành các thủ tục cho việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Doanh nghiệp chúng tôi.

Trân trọng kính chào.

CHỦ DOANH NGHIỆP

Nơi nhận:

- UBND xã Hồ Đắc Kien
- UBNDTTQ xã Hồ Đắc Kien
- Lưu tại DN.



(V/v ý kiến cộng đồng đối với báo cáo
đánh giá tác động môi trường của
trang trại chăn nuôi gà thịt)

Hồ Đức Kiên, ngày 11 tháng 01 năm 2011

Kính gửi: DNTN Nguyễn Văn Hiệp

UBND xã Hồ Đắc Kiện nhận được công văn số 51/ CV ngày 24. tháng 05 năm 2011 của DNTN Nguyễn Văn Hiệp thông báo về các hạng mục đầu tư chính, các vấn đề môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường của: Trang trại chăn nuôi gà thịt. Trên cơ sở nghiên cứu bản thông báo này và các tài liệu có liên quan, chúng tôi có ý kiến như sau:

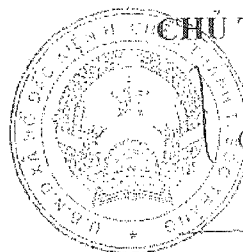
1. Đồng ý với các tác động xấu đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội từ nước thải, chất thải, độ ồn và yếu tố vi khí hậu,... phát sinh từ các hoạt động của trang trại như đã được trình bày trong bản thông báo nêu trên từ chủ Doanh nghiệp.

2. Đồng ý với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu của trang trại đến môi trường đối với từng nội dung về giảm thiểu tác động của nước thải, chất thải, khí thải, độ ồn, các yếu tố vi khí hậu như đã được trình bày trong bản thông báo nêu trên từ chủ Doanh nghiệp.

3. Kiến nghị đối với chủ Doanh nghiệp: phải thực hiện đúng các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường như đã được đưa ra trong thông báo và trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, không để gây ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng xung quanh.

Trên đây là ý kiến UBND xã Hồ Đắc Kiện gửi đến DNTN Nguyễn Văn Hiệp để tổng hợp và xử lý.

CHỦ TỊCH



Erwin Van Hise

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

Số 15../CV-UBMTTQ

Hồ Đắc Kiến, ngày 05 tháng 06 năm 2011

(Về ý kiến cộng đồng đối với báo cáo
đánh giá tác động môi trường của
trang trại chăn nuôi gà thịt)

Kính gửi: DNTN Nguyễn Văn Hiệp

UBMTTQ xã Hồ Đắc Kiến nhận được công văn số 15../CV ngày 05 tháng 06 năm 2011 của DNTN Nguyễn Văn Hiệp thông báo về các hạng mục đầu tư chính, các vấn đề môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường của : Trang trại chăn nuôi gà thịt. Trên cơ sở nghiên cứu bản thông báo này và các tài liệu có liên quan, chúng tôi có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với các tác động xấu đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội phát sinh từ các hoạt động của trang trại như đã được trình bày trong bản thông báo từ chủ Doanh nghiệp.

2. Thống nhất với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu của dự án đến môi trường đối với từng nội dung về giảm thiểu tác động của nước thải, chất thải, khí thải, độ ồn, các yếu tố vi khí hậu như đã được trình bày từ chủ Doanh nghiệp.

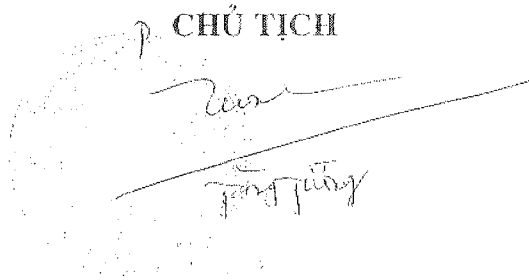
3. Kiến nghị đối với chủ Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường.

Trên đây là ý kiến phản hồi của UBMTTQ xã Hồ Đắc Kiến gửi đến DNTN Nguyễn Văn Hiệp.

Nơi nhận:

-Như trên
-Lưu VP

CHỦ TỊCH





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 00919/2024/PKQ (24.1208)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **HỘ CHĂN NUÔI CÁ THỂ NGUYỄN VĂN HIỆP - TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN VĂN HIỆP**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **MẪU GỬI: HỘ CHĂN NUÔI CÁ THỂ NGUYỄN VĂN HIỆP - TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN VĂN HIỆP- Ấp Công Đôi, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.1208.NT.01	01 điểm tại Ao lưu chứa số 01
24.1208.NT.02	01 điểm tại Ao lưu chứa số 02

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 19/03/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 26/03/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	
				24.1208.NT.01	24.1208.NT.02
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,04	6,1
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	42	39
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	81,6	78,4
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	40,1	42
5	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	37,1	35
6	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,4x10 ³	1,3x10 ³

Chú thích/ Remarks:

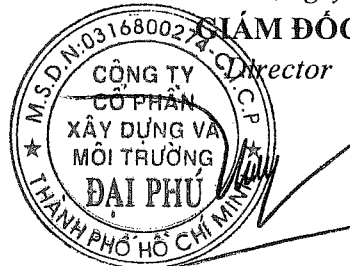
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

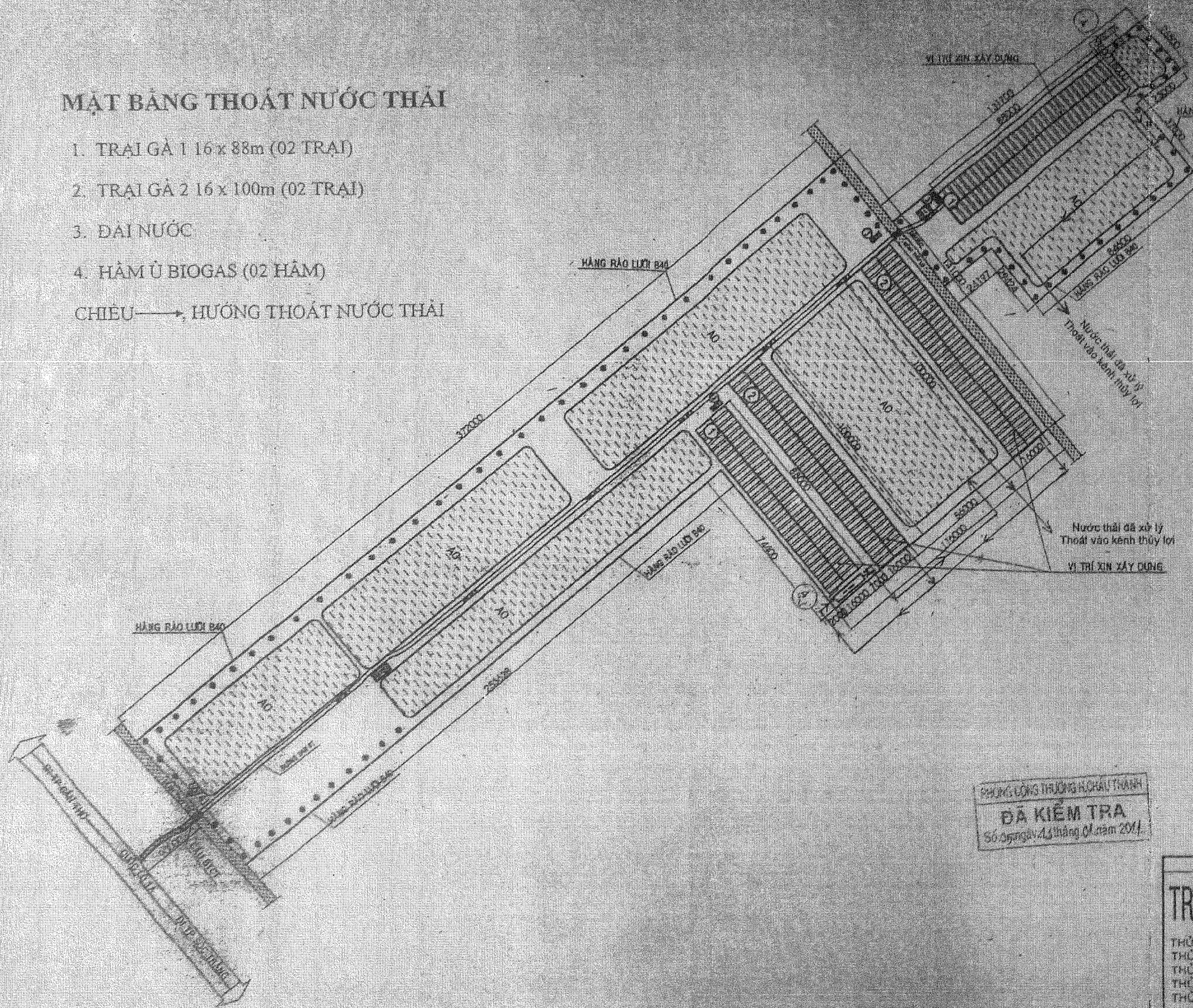


ĐOÀN THỊ THỦY

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

1. TRẠI GÀ 1 16 x 88m (02 TRẠI)
2. TRẠI GÀ 2 16 x 100m (02 TRẠI)
3. ĐAI NƯỚC
4. HẦM Ủ BIOGAS (02 HẦM)

CHIỀU → HƯỚNG THOÁT NƯỚC THẢI



DOANH NGHIỆP
NGUYỄN VĂN HƯNG

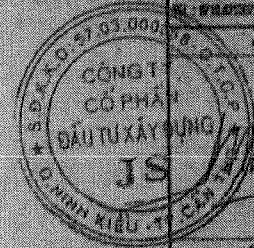
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG JS



QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT: 100% (01/2018)

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT: 100% (01/2018)



VỊ THANG TRÌNH
CHỦ TRÌ: KIỂM

KẾ HOẠCH THIẾT KẾ
THIẾT KẾ: THIẾT KẾ

CƠ SỞ NƠI NHẬN MẪU
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN HƯNG

1. MẶT BẰNG TỔNG THỂ

VỊ LỆ: 1:500
MẪU: 1/01/2018

PHÒNG CÔNG THƯƠNG H. CHÂU THÀNH
ĐÃ KIỂM TRA
Số ngày: 15 tháng 01 năm 2018

TRẠI CHĂN NUÔI GIA CẦM
THUẢ ĐẤT SỐ 457, TĐĐ SỐ 02 DT ĐẤT 4161 M2
THUẢ ĐẤT SỐ 843, TĐĐ SỐ 02 DT ĐẤT 4095 M2
THUẢ ĐẤT SỐ 917, TĐĐ SỐ 02 DT ĐẤT 7182 M2
THUẢ ĐẤT SỐ 962, TĐĐ SỐ 02 DT ĐẤT 2500 M2
THUẢ ĐẤT SỐ 844, TĐĐ SỐ 06 DT ĐẤT 5542 M2
Địa điểm: ấp Công Xá - xã Hồ Bắc Kiên - h. Châu Thành - Sóc Trăng

